

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thu Quyên
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Phương**

HẢI PHÒNG – 2020

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN
VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH
GIAO NHẬN VẬN TẢI TRUNG DŨNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thu Quyên
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Phương**

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Nguyễn Thị Thu Quyên **Mã SV:** 1512401033

Lớp : QT1903K

Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua,
người bán tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung
Dũng.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

✓ Tìm hiểu lý luận về tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

✓ Tìm hiểu thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng

✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thanh toán tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

✓ Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.

✓ Quy chế, quy định về kế toán - tài chính tại doanh nghiệp

✓ Hệ thống sổ sách kế toán liên quan đến tổ chức kế toán thanh toán tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng, sử dụng số liệu năm 2020 phục vụ công tác.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng .

Địa chỉ : Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : **Trần Thị Thanh Phương**

Học hàm, học vị : **Thạc Sĩ**

Cơ quan công tác : **Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán người mua, người bán tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 30 tháng 03 năm 2020

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Ths. Trần Thị Thanh Phương
Đơn vị công tác: Trường đại học quản lý và công nghệ Hải Phòng.
Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Thu Quyên Chuyên ngành: Kế toán - Kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng
Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Có ý thức tự giác trong công việc, nghiêm túc, thẳng thắn và có khả năng tiếp cận với thực tiễn doanh nghiệp
- Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tế, mạnh dạn đề xuất các phương hướng và giải pháp để hoàn thiện đề tài nghiên cứu.
- Thái độ làm việc nghiêm túc, có khả năng làm việc theo nhóm và làm việc độc lập.
- Tuân thủ đúng yêu cầu và tiến độ thời gian, nội dung nghiên cứu đề tài cho giáo viên hướng dẫn quy định.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống báo được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: Tác giả đã mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu theo hiện trạng của chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn sản xuất - kinh doanh, có giá trị về mặt lý luận và có tính khả thi trong việc kiện toán công tác kế toán của đơn vị thực tập,
- Những số liệu minh họa trong khóa luận có tính logic trong dòng chảy của số liệu kế toán có độ tin cậy.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP.....	2
1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán.....	2
1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua.....	3
1.2.1. Nguyên tắc thanh toán với người mua.	3
1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua.	4
1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua.....	6
1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán.....	15
1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán	15
1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán.	15
1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán.....	18
1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.....	22
1.4.1. Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán.	22
1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ.	23
1.5. Sự cần thiết của kế toán thanh toán với người mua, người bán.....	24
1.6. Nhiệm vụ của công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán.	25
1.7. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung.	25
1.7.1. Nguyên tắc ghi sổ Nhật Ký Chung.	25
1.7.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung.	26
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN VẬN TẢI TRUNG DŨNG.....	28
2.1. Khái quát về Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng.....	28
2.1.1. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	28
2.1.2. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động	29

2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy của công ty.....	29
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty.....	31
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng.....	34
2.2.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng.	34
2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng.....	35
2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại công ty.	50
CHƯƠNG 3 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN VẬN TẢI TRUNG DŨNG.....	63
3.1. Đánh giá thực trạng thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng.....	63
3.1.1. Ưu điểm.....	63
3.1.2. Hạn chế.....	64
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán.....	65
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán thanh toán	65
3.4. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng.	66
KẾT LUẬN	83
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	84

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua theo TT133/2016/TT-BTC.....	14
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán.....	21
Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức nhật ký chung.....	26
Sơ đồ 2.1: sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng.....	29
Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán thanh toán với người mua tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng.....	36
Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng.....	50

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Biểu số 1: Hóa đơn GTGT số 0000421.	38
Biểu số 2: Hóa đơn GTGT số 0001987	40
Biểu số 3: Giấy báo có	42
.....	42
Biểu số 4: Giấy báo có	43
Biểu số 5: Trích sổ nhật ký chung.....	44
Biểu số 6: Trích sổ cái TK 131	45
Biểu số 7: Trích sổ chi tiết thanh toán với người mua.....	46
Biểu số 8: Trích sổ chi tiết thanh toán với người mua.....	47
Biểu số 9: Trích bảng tổng hợp thanh toán với người mua	48
Biểu số 10: Hóa đơn GTGT số 0001269	52
Biểu số 11: Hóa đơn GTGT số 0004373.	53
Biểu số 12: Ủy nhiệm chi.....	54
Biểu số 13: Giấy báo nợ.....	55
Biểu số 14: Ủy nhiệm chi.....	56
Biểu số 15: Giấy báo nợ.....	57
Biểu số 16: Trích sổ nhật ký chung.....	58
Biểu số 17: Trích sổ cái TK 331	59
Biểu số 18: Trích sổ chi tiết thanh toán với người bán.....	60
Biểu số 19: Trích sổ chi tiết thanh toán với người bán.....	61
Biểu số 20: Trích bảng tổng hợp thanh toán với người bán	62

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển, hàng loạt các doanh nghiệp đã, đang và sẽ ra đời, hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau. Một doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường thì nhân tố quyết định nhất là vấn đề thanh toán. Đối với bất kì một hợp đồng kinh tế nào thì vấn đề quan tâm đầu tiên đó là việc thanh toán như thế nào, phương thức thanh toán ra sao và liệu khi tham gia vào hợp đồng có đem lại thuận lợi gì cho doanh nghiệp không. Do vậy, mỗi doanh nghiệp cần phải có những hoạt động nhất định nhằm quản lý tốt nhất hoạt động thanh toán để tạo niềm tin cho các đối tác và cải thiện được tình hình tài chính của doanh nghiệp mình.

Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành đã có quy định cụ thể về kế toán thanh toán với người bán và người mua, đồng thời Bộ Tài chính cũng đã ban hành các Thông tư hướng dẫn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khi vận dụng vào thực tế. Tuy vậy, việc vận dụng này còn phụ thuộc vào đặc thù riêng của từng ngành nghề sản xuất kinh doanh do đó đã nảy sinh rất nhiều vấn đề trong việc tổ chức hạch toán kế toán thanh toán với người bán và người mua.

Nhận thức được tầm quan trọng của tổ chức kế toán thanh toán cùng vốn, kiến thức đã được học ở trường, nên em chọn đề tài “ **Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng** ”. Trong quá trình viết không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý của thầy cô và các bạn để có thể hiểu sâu hơn về nghiệp vụ thanh toán và so sánh thực tế tại công ty với lý thuyết đã được học.

Khóa luận bao gồm: Lời mở đầu, nội dung nghiên cứu và kết luận.

Nội dung nghiên cứu gồm 3 chương:

CHƯƠNG 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

CHƯƠNG 2: Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng.

CHƯƠNG 3: Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán

❖ **Khái niệm thanh toán:** Thanh toán là sự chuyển giao tài sản của một bên (người hoặc công ty, tổ chức) cho bên kia, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm hoặc dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

❖ **Phương thức thanh toán:** Là cách thức chi trả, thực hiện nghĩa vụ về tài sản. Phương thức thanh toán có thể thực hiện bằng hình thức trả tiền mặt, séc, thanh toán qua ngân hàng, thư tín dụng, thanh toán bằng hiện vật hay có sự thỏa thuận của các bên.

+ Có hai phương thức thanh toán: Thanh toán trực tiếp và thanh toán trả chậm.

- *Phương thức thanh toán trực tiếp:* Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thương mại thanh toán ngay tiền cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng tiền chuyển khoản, bằng tiền cán bộ tạm ứng, hoặc có thể thanh toán bằng hàng (hàng đổi hàng)....

- *Phương thức thanh toán trả chậm:* Doanh nghiệp đã nhận hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán. Việc thanh toán chậm trả có thể thực hiện theo điều kiện tín dụng ưu đãi theo thỏa thuận.

❖ **Hình thức thanh toán:** Là tổng thể các quy định về một cách thức trả tiền là sự liên kết các yếu tố của quá trình thanh toán. Hình thức thanh toán cổ xưa nhất đó là hàng đổi hàng, còn hiện nay có rất nhiều hình thức thanh toán gồm: tiền mặt, chuyển khoản, ghi nợ, tín dụng, séc,... Đây là những cách thức nhận trả tiền hàng trong giao dịch mua bán giữa các cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp với nhau. Hai bên phải cùng thống nhất phương thức thanh toán áp dụng cho giao dịch đó.

Trong giao dịch thương mại thanh toán phải đi kèm với hóa đơn và biên nhận. Hiện nay, có hai hình thức thanh toán cơ bản: *Thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.*

- *Thanh toán bằng tiền mặt:* Là hình thức bán hàng thu tiền ngay, bên mua sẽ xuất tiền mặt ra khỏi quỹ để thanh toán trực tiếp cho người bán khi nhận được

vật tư, hàng hóa. Hình thức này thường được áp dụng đối với giao dịch phát sinh với số tiền nhỏ (hiện nay được áp dụng đối với những khoản nhỏ hơn 20 triệu đồng), nghiệp vụ đơn giản, khoảng cách giữa hai bên hẹp

-*Thanh toán không bằng tiền mặt*: là hình thức thanh toán được thực hiện bằng cách chuyển khoản hoặc thanh toán bù trừ qua các đơn vị trung gian là ngân hàng. Các hình thức bao gồm: Thanh toán bằng ủy nhiệm chi, nhờ thu kèm chứng từ, nhờ thu phiếu trơn, thanh toán bằng thư tín dụng – L/C.

+Hình thức thanh toán ủy nhiệm chi: Là phương tiện thanh toán mà người trả tiền lập lệnh thanh toán theo mẫu do Ngân hàng quy định, gửi cho ngân hàng nơi mình mở tài khoản yêu cầu trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng.

+Hình thức nhờ thu kèm chứng từ: Là hình thức thanh toán, trong đó người bán sau khi giao hàng, ký phát hối phiếu và gửi kèm với bộ chứng từ bán hàng để nhờ ngân hàng thu hộ tiền từ người mua với điều kiện là ngân hàng chỉ trao bộ chứng từ cho người mua sau khi người này trả tiền hối phiếu, hoặc ký chấp nhận thanh toán hối phiếu có kỳ hạn.

+Hình thức nhờ thu phiếu trơn: là hình thức nhờ thu trong đó người xuất khẩu ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền từ người nhập khẩu căn cứ vào hối phiếu do mình lập ra còn chứng từ hàng hóa thì gửi thẳng cho người nhập khẩu, không gửi cho ngân hàng. Người bán giao hàng cho người mua và gửi thẳng bộ chứng từ cho người mua để người mua nhận hàng. Hối phiếu được lập và gửi đến ngân hàng nhờ thu tiền.

+Hình thức tín dụng chứng từ: là sự thỏa thuận trong đó một ngân hàng mở thư tín dụng theo yêu cầu của người mở thư tín dụng cam kết hay cho phép ngân hàng khác chi trả hoặc chấp nhận hối phiếu cho một người trong phạm vi số tiền của thư tín dụng khi người này xuất trình cho ngân hàng bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những quy định đề ra trong thư tín dụng

1.2.Nội dung kế toán thanh toán với người mua.

1.2.1.Nguyên tắc thanh toán với người mua.

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người mua kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

-Phải theo dõi chi tiết từng khoản nợ thu theo từng đối tượng khách hàng, thường xuyên đối chiếu, kiểm tra đôn đốc việc thu hồi nợ.

-Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ bán hàng hóa, cung cấp lao vụ dịch vụ trả tiền ngay.

-Cần phải phân loại các khoản thu khách hàng theo thời gian thanh toán cũng như những đối tượng có vấn đề để có kế hoạch và biện pháp thu hồi nợ.

-Đối với khách hàng giao dịch thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán phải kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán, số còn lại phải thanh toán, có xác nhận bằng văn bản.

-Đối với các khoản phải thu có gốc ngoại tệ thì phải theo dõi cả nguyên tệ và quy đổi theo đồng Việt Nam. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo thực tế

-Đối với các khoản phải thu phát sinh bằng vàng, bạc, đá quý cần ghi chi tiết theo cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế.

-Tuyệt đối không được bù trừ số dư bên nợ và bên có của tài khoản 131 mà phải căn cứ vào số dư chi tiết từng bên để lấy số liệu ghi trên bảng cân đối kế toán.

1.2.2.Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua.

a)Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

b)Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết phải thu khách hàng
- Sổ tổng hợp phải thu khách hàng
- Sổ cái tài khoản 131...

c)Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 131: Phải thu của khách hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐSĐT, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

Kết cấu tài khoản 131: Phải thu của khách hàng

Bên nợ	Bên có
<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, BĐSĐT, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính; - Số tiền thừa trả lại cho khách hàng; - Đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập BCTC (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá ghi sổ kế toán). 	<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền khách hàng đã trả nợ; - Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng; - Khoản giảm giá hàng bán trừ vào nợ phải thu của khách hàng; - Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT); - Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua; - Đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập BCTC (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá ghi sổ kế toán).
<p>Số dư bên nợ: Số tiền còn phải thu của khách hàng.</p>	<p>Số dư bên có(nếu có): Số tiền nhận trước hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.</p>

Chú ý: Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên "Tài sản" và bên "Nguồn vốn".

(Nguồn: TT133/2016/TT – BTC)

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua

❖Hạch toán bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ chưa thu được tiền ngay.

Căn cứ vào chứng từ liên quan, khi DN bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ chưa thu được tiền ngay (kể cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác). Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế gián thu kế toán hạch toán theo các trường hợp: Trường hợp tách riêng theo từng loại thuế ngay khi ghi nhận doanh thu; Trường hợp không tách riêng ngay được các khoản thuế phải nộp. Cụ thể:

Trường hợp tách riêng theo từng loại thuế ngay khi ghi nhận doanh thu.

Nếu các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng theo từng loại thuế ngay khi ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (kể cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), hạch toán:

Nợ TK 131: Tổng giá thanh toán bán chịu

Có TK 511: Trị giá bán chưa có thuế

Có TK 333: Tiền thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (chi tiết từng loại thuế).

Trường hợp không tách riêng được các khoản thuế phải nộp.

Kế toán tiến hành ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp, hạch toán:

Nợ TK TK 131: Tổng thanh toán bán chịu đã bao gồm thuế

Có TK 511: Tổng thanh toán bán chịu đã bao gồm thuế.

Đồng thời, định kỳ xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, hạch toán:

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333: Tiền thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (chi tiết từng loại thuế).

Hạch toán số tiền bán chịu phải thu khách hàng thuộc hoạt động đầu tư tài chính.

Kế toán phản ánh số tiền bán chịu phải thu khách hàng thuộc hoạt động đầu tư tài chính, hạch toán:

Nợ TK 131: Trị giá tiền bán chịu phải thu khách hàng

Nợ TK 635: Khoản lỗ về nhượng bán các khoản đầu tư tài chính

Có các TK 121, 128, 228,...: Trị giá tiền bán chịu phải thu khách hàng

Có TK 515: Khoản lãi về nhượng bán các khoản đầu tư tài chính.

❖Hạch toán phải thu của khách hàng đối với khoản giảm trừ số nợ phải thu khách hàng.

Kế toán hạch toán các nghiệp vụ phát sinh như sau:

Hạch toán đối với hàng bán đi bị khách hàng trả lại.

Kế toán hạch toán theo 2 trường hợp: Trường hợp tách ngay được các khoản thuế phải nộp; Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp. Cụ thể:

Trường hợp tách được các khoản thuế phải nộp.

Kế toán tiến hành ghi nhận hàng bán bị trả lại không bao gồm thuế phải nộp, hạch toán:

Nợ TK 511: Trị giá hàng bán bị trả lại chưa có thuế

Nợ TK 333: Tiền thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của hàng bán bị trả lại

Có TK 131: Tổng số tiền trả lại.

Trường hợp không tách được các khoản thuế phải nộp.

Kế toán tiến hành ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp, hạch toán:

Nợ TK 511: Trị giá hàng bán bị trả lại bao gồm thuế

Có TK 131: Tổng số tiền trả lại.

Hạch toán Khi DN có hoạt động chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán.

Có 2 trường hợp xảy ra: Trường hợp trị giá chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã ghi ngay trên hóa đơn bán hàng; Trường hợp trị giá chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán chưa ghi trên hóa đơn bán hàng. Cụ thể:

Trường hợp trị giá chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã ghi ngay trên hóa đơn bán hàng.

Kế toán tiến hành phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu, giảm giá (ghi nhận theo doanh thu thuần), không phản ánh riêng số chiết khấu, giảm giá.

Trường hợp trị giá chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán chưa ghi trên hóa đơn bán hàng.

Kế toán tiến hành ghi nhận riêng số chiết khấu, giảm giá theo giá chưa trừ chiết khấu (doanh thu gộp).

Sau thời điểm ghi nhận doanh thu, kế toán ghi nhận riêng khoản chiết khấu, giảm giá để định kỳ điều chỉnh giảm doanh thu gộp nếu khách hàng đủ điều kiện được hưởng chiết khấu, giảm giá. Hạch toán theo 2 trường hợp:

– Trường hợp tách được các khoản thuế phải nộp, kế toán tiến hành ghi nhận chiết khấu, giảm giá không bao gồm thuế phải nộp, hạch toán:

Nợ TK 511: Trị giá chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán chưa có thuế

Nợ TK 333: Tiền thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của hàng giảm giá, chiết khấu thương mại

Có TK 131: Tổng số tiền giảm giá, chiết khấu thương mại.

– Trường hợp không tách được các khoản thuế phải nộp, kế toán tiến hành ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp, hạch toán:

Nợ TK 511: Trị giá chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán bao gồm thuế

Có TK 131: Trị giá chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán bao gồm thuế.

Hạch toán số chiết khấu thanh toán khách hàng được hưởng do thanh toán trước thời hạn quy định.

Khi số chiết khấu thanh toán khách hàng được hưởng do thanh toán trước thời hạn quy định, kế toán sẽ trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, hạch toán:

Nợ TK 635: Số tiền chiết khấu thanh toán

Có TK 131: Số tiền chiết khấu thanh toán.

❖Hạch toán phải thu của khách hàng khi nhận được tiền do khách hàng trả, tiền ứng trước của khách hàng.

Khi nhận được tiền do khách hàng trả (Kể cả tiền lãi), tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, hạch toán:

Nợ các TK 111, 112,...: Tổng trị giá tiền phải thu của khách hàng bao gồm lãi

Có TK 131: Trị giá tiền phải thu của khách hàng (chi tiết đối tượng)

Có TK 515: Trị giá tiền lãi.

❖Hạch toán phải thu của khách hàng đối với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng.

Kế toán hạch toán các nghiệp vụ phát sinh như sau:

Hạch toán xác định khoản phải thu của khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng.

Khi hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận. Kế toán tiến hành lập hóa đơn trên cơ sở phân công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận. Hạch toán:

Nợ TK 131: Phải thu của khách hàng (chi tiết đối tượng)

Có TK 33311: Tiền thuế GTGT phải nộp

Có TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Hạch toán khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu.

Khi khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện hợp đồng đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu cụ thể đã được ghi trong hợp đồng, hạch toán:

Nợ TK 131: Khoản tiền thưởng phải thu của khách hàng

Có TK 33311: Tiền thuế GTGT phải nộp

Có TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Hạch toán khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay bên khác.

Hạch toán các khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng (như: Sự chậm trễ do khách hàng gây nên; sai sót trong các chỉ tiêu kỹ thuật hoặc thiết kế và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng):

Nợ TK 131: Khoản bồi thường thu được

Có TK 33311: Tiền thuế GTGT phải nộp

Có TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Hạch toán tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng.

Kế toán hạch toán khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng:

Nợ các TK 111, 112: Trị giá phải thu của khách hàng

Có TK 131: Trị giá phải thu của khách hàng.

❖Hạch toán phải thu của khách hàng trường hợp khách hàng thanh toán bằng hàng.

Khi khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng (theo phương thức hàng đổi hàng). Căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hóa nhận trao đổi (tính theo giá trị hợp lý trong hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, hạch toán:

Nợ các TK 151, 153, 156: Trị giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa khách hàng thanh toán

Nợ TK 611: Mua hàng (kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KKĐK)

Nợ Tk 133: Tiền thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 131: Tổng trị giá phải thu khách hàng (chi tiết đối tượng).

❖Hạch toán phải thu của khách hàng đối với khoản thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu.

Kế toán hạch toán khi phản ánh khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu:

Nợ TK 131: Trị giá phải thu của khách hàng

Có TK 5113: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 33311: Tiền thuế GTGT phải nộp.

❖Hạch toán phải thu của khách hàng khi phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi.

Khi phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xoá sổ, căn cứ vào biên bản xử lý xoá nợ, hạch toán:

Nợ TK 2293: Số đã lập dự phòng tổn thất tài sản

Nợ TK 642: Số chưa lập dự phòng

Có TK 131: Trị giá phải thu của khách hàng.

❖Hạch toán phải thu của khách hàng đối với khoản tiền thừa trả lại cho khách hàng.

Kế toán phản ánh khoản tiền thừa trả lại cho khách hàng, hạch toán:

Nợ TK 131: Trị giá khoản tiền thừa trả lại cho khách hàng

Có các TK 111, 112, 3411, ...: Trị giá khoản tiền thừa trả lại cho khách hàng.

❖Hạch toán phải thu của khách hàng đối với giao dịch liên quan đến ngoại tệ.

Hạch toán khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ nhưng chưa thu được tiền.

Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ chưa thu được tiền của khách hàng, căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh, hạch toán:

Nợ TK 131: Phải thu của khách hàng (chi tiết đối tượng) (TGTT tại thời điểm phát sinh)

Có TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TGTT tại thời điểm phát sinh)

Có TK 711: Thu nhập khác (TGTT tại thời điểm phát sinh).

Hạch toán nhận trước tiền của người mua bằng ngoại tệ.

Khi nhận trước tiền của người mua bằng ngoại tệ để cung cấp vật tư, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ, hạch toán các nghiệp vụ phát sinh như sau:

Nhận tiền trước bằng ngoại tệ, hạch toán:

Nợ các TK 1112, 1122: Trị giá phải thu của khách hàng (TGTT tại thời điểm nhận trước)

Có TK 131: Trị giá phải thu của khách hàng (chi tiết đối tượng).

Chuyển giao vật tư, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ cho người mua.

Kế toán phản ánh theo 2 trường hợp: Trường hợp nhận trước tiền hàng của người mua hàng bằng ngoại tệ; Trường hợp chưa thu được tiền của người mua hàng. Hạch toán cụ thể như sau:

Trường hợp nhận trước tiền hàng của người mua hàng bằng ngoại tệ.

Khi phân doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền bằng ngoại tệ đã nhận trước của người mua, kế toán ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước, hạch toán:

Nợ TK 131: Phải thu của khách hàng (TGTT thời điểm nhận trước)

Có các TK 511, 711: Phải thu của khách hàng (TGTT thời điểm nhận trước).

Trường hợp chưa thu được tiền của người mua hàng.

Khi phân doanh thu, thu nhập chưa thu được tiền, kế toán ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (thời điểm ghi nhận doanh thu, thu nhập), hạch toán:

Nợ TK 131: Phải thu của khách hàng (TGTT tại thời điểm ghi nhận doanh thu)

Có các TK 511, 711: Phải thu của khách hàng (TGTT tại thời điểm ghi nhận doanh thu).

Hạch toán thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ.

Kế toán hạch toán theo 2 trường hợp: Trường hợp bên Có tài khoản phải thu áp dụng tỷ giá ghi sổ; Trường hợp bên Có tài khoản phải thu áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế. Cụ thể:

Trường hợp bên Có tài khoản phải thu áp dụng tỷ giá ghi sổ.

Hạch toán:

Nợ các TK 1112, 1122: Trị giá tiền thu được (TGTT tại ngày thu nợ)

Nợ TK 635: Số chênh lệch tỷ giá (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 131: Trị giá tiền thu được (TGGS kế toán)

Có TK 515: Số chênh lệch tỷ giá (lãi tỷ giá hối đoái).

Trường hợp bên Có tài khoản phải thu áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế.

Hạch toán:

Nợ các TK 1112, 1122: Trị giá tiền thu được(TGTT tại ngày thu nợ)

Có TK 131: Trị giá tiền thu được(TGTT tại ngày thu nợ).

Kế toán ghi nhận chênh lệch tỷ giá: Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được thực hiện đồng thời tại thời điểm thu nợ hoặc định kỳ tùy theo đặc điểm hoạt động kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Trường hợp phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá, hạch toán:

Nợ TK 635: Số chênh lệch giữa TGGS của tài khoản phải thu lớn hơn TGTT tại thời điểm thu nợ

Có TK 131: Số chênh lệch giữa TGGS của tài khoản phải thu lớn hơn TGTT tại thời điểm thu nợ.

Trường hợp phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá, hạch toán:

Nợ TK 131: Số chênh lệch giữa TGGS của tài khoản phải thu nhỏ hơn TGTT tại thời điểm thu nợ

Có TK 515: Số chênh lệch giữa TGGS của tài khoản phải thu nhỏ hơn TGTT tại thời điểm thu nợ.

❖Hạch toán phải thu khách hàng vào cuối kỳ kế toán.

Khi kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Kế toán hạch toán theo 2 trường hợp: Trường hợp phát sinh lãi tỷ giá hối đoái; Trường hợp phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái. Cụ thể:

Trường hợp phát sinh lãi tỷ giá hối đoái, hạch toán:

Nợ TK 131: Trị giá chênh lệch tỷ giá hối đoái

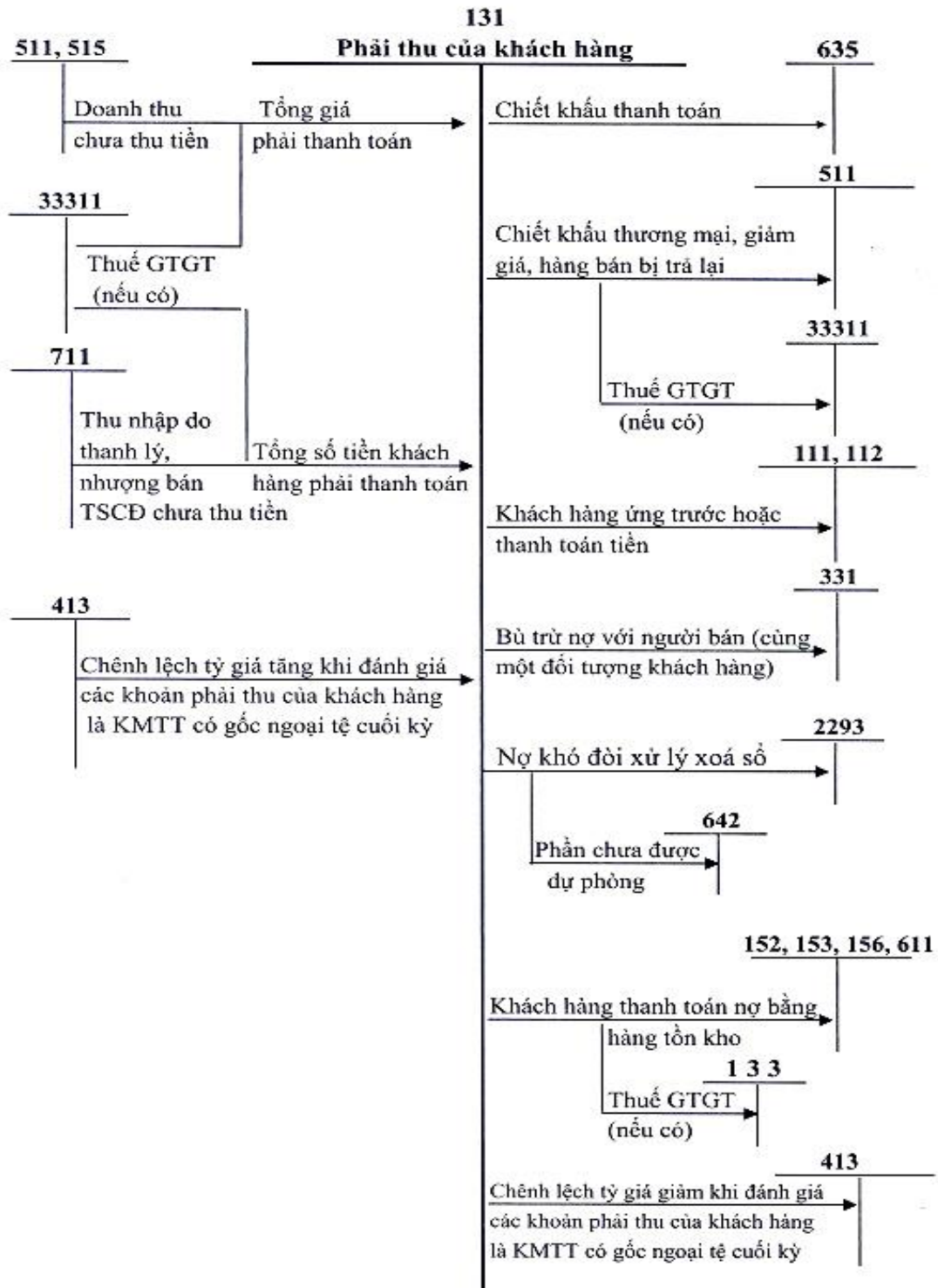
Có TK 4131: Trị giá chênh lệch tỷ giá hối đoái

Trường hợp phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, hạch toán:

Nợ TK 4131: Trị giá chênh lệch tỷ giá hối đoái

Có TK 131: Trị giá chênh lệch tỷ giá hối đoái.

KẾ TOÁN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua theo TT133/2016/TT-BTC

1.3.Nội dung kế toán thanh toán với người bán

1.3.1.Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán

Phải trả người bán thường xảy ra trong quan hệ mua, bán vật tư, công cụ, dụng cụ, hàng hóa, TSCĐ... Khi doanh nghiệp mua chịu sẽ dẫn đến phát sinh nghiệp vụ thanh toán nợ phải trả, khi doanh nghiệp ứng trước tiền mua hàng cho người bán sẽ dẫn đến nảy sinh một khoản tiền nợ phải thu với người cung cấp. Doanh nghiệp theo dõi chi tiết các khoản nợ phải trả cho người bán theo nguyên tệ và theo nguyên tắc:

- Khi thanh toán nợ phải trả người bán bằng ngoại tệ, kế toán phải quy ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đích danh của từng chủ nợ. Trường hợp phát sinh giao dịch ứng trước tiền cho nhà thầu hoặc người bán thì bên nợ TK 331 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước;

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

- Khi phát sinh các khoản phải nợ cho người bán bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch).

Khi hạch toán chi tiết, kế toán phải hạch toán rõ ràng các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng

Bên giao nhận ủy thác ghi nhận trên tài khoản này số tiền phải trả người bán về hàng nhập khẩu thông qua bên nhập khẩu ủy thác như tài khoản phải trả người bán thông thường.

Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn của người bán.

1.3.2.Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán.

a)Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn mua hàng
- Biên bản kiểm nghiệm
- Phiếu nhập kho
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Biên bản thanh lý hợp đồng
- Các chứng từ liên quan khác

b) Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết
- Sổ nhật ký chung
- Sổ tổng hợp thanh toán với người bán
- Sổ cái TK 331 - phải trả người bán...

c) Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 331- Phải trả cho người bán

Tài khoản này dùng để theo dõi các khoản nợ phải trả cho người cung cấp, người bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ,...

Kết cấu tài khoản 331: phải trả người bán

Bên nợ	Bên có
<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp; - Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao; - Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng; - Chiết khấu thanh toán và chiết khấu 	<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp; - Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức; - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá ghi sổ kế toán).

<p>thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán; - Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính lớn hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức; - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá ghi sổ kế toán). 	
<p>Số dư bên nợ(nếu có):</p> <p>Phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể.</p>	<p>Số dư bên có:</p> <p>Số tiền còn phải trả cho người bán hàng, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp.</p>

Chú ý: Khi lập Bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi 2 chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

(Nguồn: TT133/2016/TT – BTC)

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán

❖ *Khi mua vật tư, hàng hóa chưa thanh toán cho người bán mà vật tư, hàng hóa đã về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc khi mua TSCĐ*

- Nếu mua hàng nội địa, hạch toán:

Nợ TK 152, 153, 156, 157, 211... (giá chưa bao gồm thuế GTGT)

Nợ TK 133 – Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Có TK 331 – Phải trả người bán (tổng giá thanh toán cho người bán)

- Nếu nhập khẩu hàng hóa, vật tư, phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế BVMT (nếu có):

Nợ TK 152, 153, 156, 157, 211...

Có TK 331 – Phải trả người bán

Có TK 3332 – Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 – Thuế xuất, nhập khẩu

Có TK 33381 – Thuế bảo vệ môi trường

❖ *Khi mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho nếu doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:*

- Nếu mua hàng nội địa

Nợ TK 611 – Mua hàng (giá chưa bao gồm thuế GTGT)

Nợ TK 133 – Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Có TK 331 – Phải trả người bán (tổng giá thanh toán cho người bán)

- Nếu mua hàng hóa nhập khẩu, ghi:

Nợ TK 611 – Mua hàng

Có TK 331 – Phải trả người bán

Có TK 3332 – Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 – Thuế xuất, nhập khẩu

Có TK 33381 – Thuế bảo vệ môi trường

❖ *Nếu đơn vị thực hiện đầu tư XD CB theo phương thức giao thầu khi nhận khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao của bên nhận thầu xây lắp:*

Nợ TK 241 – Xây dựng cơ bản dở dang (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 1331 – Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Có TK 331 – Phải trả người bán

❖ *Khi doanh nghiệp ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu:*

Nợ TK 331 – Phải trả người bán

Có TK 111, 112, 341...

❖ *Nếu ứng trước tiền hàng cho người bán bằng ngoại tệ*

- Ghi nhận số tiền ứng trước cho người bán bằng ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước

Nếu bên Có của tài khoản tiền sử dụng tỷ giá ghi sổ:

Nợ TK 331 – Phải trả người bán (tỷ giá giao dịch thực tế)

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (nếu lỗ tỷ giá)

Có TK 111, 112 (tỷ giá ghi sổ)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (nếu phát sinh lãi tỷ giá)

Nếu bên Có của tài khoản tiền sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế

Nợ TK 331 – Phải trả người bán

Có TK 111, 112...

❖ *Khi nhận lại tiền do người bán hoàn trả lại số tiền ứng trước do không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ, ghi:*

Nợ TK 111, 112...

Có TK 331 – Phải trả người bán

❖ *Khi nhận dịch vụ cung cấp như chi phí vận chuyển, điện nước, điện thoại, internet, dịch vụ kiểm toán, tư vấn, quảng cáo...*

Nợ TK 156, 241, 242, 635, 811

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 – Phải trả người bán

❖ *Nhận được chiết khấu thanh toán khi mua vật tư, hàng hóa do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và trừ vào khoản nợ phải trả người bán*

Nợ TK 331 – Phải trả người bán

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

❖ *Nếu vật tư, hàng hóa mua vào phải trả lại được người bán chấp thuận giảm giá được tính trừ vào khoản nợ phải trả:*

Nợ TK 331 – Phải trả người bán

Có TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 152, 153, 156, 611...

❖ *Nếu các khoản nợ phải trả người bán không xác định được chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi, được xử lý làm tăng thu nhập khác:*

Nợ TK 331 – Phải trả người bán

Có TK 711 – Thu nhập khác

❖ *Tại thời điểm lập BCTC, số dư nợ phải trả người bán là khoản mục có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá chuyển khoản trung bình cuối kỳ của ngân hàng thương mại, nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch*

- Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá ghi sổ kế toán

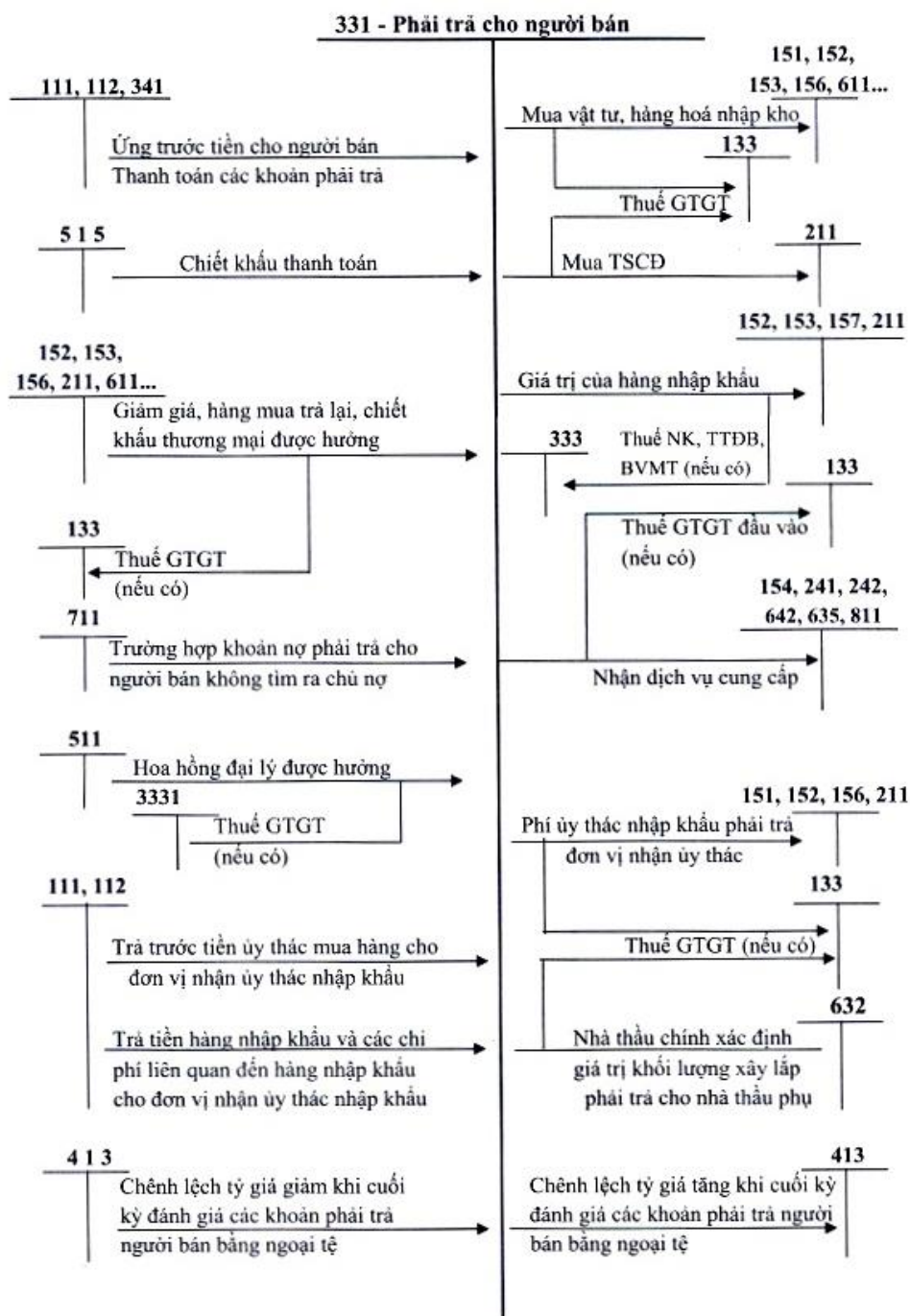
Nợ TK 331 – Phải trả người bán

Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái

- Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Có TK 331 – Phải trả người bán



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán

1.4.Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.

1.4.1.Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán.

❖ Tỷ giá là gì? Đó chính là mức giá tại một thời điểm đồng tiền của một quốc gia hay khu vực có thể được chuyển đổi sang đồng tiền của quốc gia hay khu vực khác. Theo đó tỷ giá được tính bằng số đơn vị nội tệ trên một đơn vị ngoại tệ. Khi tỷ giá giảm đồng nghĩa với việc đồng nội tệ lên giá và ngoại tệ giảm giá, ngược lại tỷ giá tăng thì đồng nội tệ giảm còn ngoại tệ sẽ lên giá.

❖ Quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán:

- Khi doanh nghiệp thực hiện giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra một đơn vị tiền tệ thống nhất mà đơn vị mình sử dụng (USD). Việc quy đổi phải căn cứ vào tỷ giá của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố để ghi sổ.

- Trong kế toán sử dụng loại tỷ giá: tỷ giá giao dịch, tỷ giá xuất và tỷ giá ghi nhận nợ.

+ Tỷ giá giao dịch hay còn gọi là tỷ giá thực tế (là tỷ giá do ngân hàng nhà nước VN công bố tại thời điểm các nghiệp vụ kinh tế phát sinh), tỷ giá này được sử dụng khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan tới doanh thu, chi phí hàng tồn kho, TSCĐ, khi tăng tiền mặt, tiền gửi hoặc ghi tăng công nợ là ngoại tệ.

+ Tỷ giá xuất là tỷ giá ghi trên sổ kế toán trước thời điểm thanh toán, tỷ giá này được sử dụng đối với các trường hợp giảm vốn bằng tiền là ngoại tệ và được tính theo phương pháp bình quân, FIFO hoặc đích danh.

+ Tỷ giá ghi nhận nợ là tỷ giá được ghi chép trên sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch mua bán, tỷ giá này được sử dụng trong trường hợp ghi giảm công nợ là ngoại tệ.

Cuối năm tài chính, kế toán phải tiến hành đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm đó.

1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ.

❖ Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ căn cứ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh ghi:

Nợ TK 131: Tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch

Có TK 511, 711: Tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch

❖ Khi thu được nợ phải thu bằng ngoại tệ nợ phải thu của khách hàng:

Trường hợp bên Có các tài khoản phải thu áp dụng tỷ giá ghi sổ để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán, ghi:

Nợ TK 111, 112: Tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch

Nợ 635: Chi phí tài chính

Có TK 131: Tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

❖ Khi thu các khoản nợ phải thu:

Nợ TK 111, 112: Theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm thu nợ

Có TK 131: Theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm thu nợ

Ghi nhận phân chênh lệch tỷ giá: Việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được thực hiện đồng thời tại thời điểm thu nợ hoặc định kỳ tùy theo đặc điểm hoạt động kinh doanh của DN:

+ Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK 131

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

❖ Khi mua vật tư hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ nhà cung cấp chưa thanh toán tiền bằng ngoại tệ, căn cứ vào tỷ giá giao dịch tại ngày giao dịch

Nợ TK 111, 112, 153, 156, 211, 642

Có TK 331: phải trả người bán

❖ Khi thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ :

-Trường hợp bên Nợ các TK phải trả và bên Có các TK tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán, ghi:

Nợ TK 331: tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 635: chi phí tài chính(lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111, 112 (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 : doanh thu hoạt động tài chính

-Trường hợp bên Nợ các TK phải trả và bên Có các TK tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán, ghi:

+ Khi thanh toán nợ phải trả:

Nợ TK 331

Có TK 111, 112

+ Ghi nhận chênh lệch tỷ giá: việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được thực hiện đồng thời khi thanh toán nợ phải trả hoặc định kỳ tùy theo đặc điểm hoạt động kinh doanh và yêu cầu quản lý của DN:

+ Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK 635: chi phí tài chính

Có TK 331

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá, ghi:

Nợ TK 331

Có TK 515: doanh thu hoạt động tài chính

1.5. Sự cần thiết của kế toán thanh toán với người mua, người bán.

Nghiệp vụ thanh toán được hình thành là do sự chiếm dụng vốn lẫn nhau giữa các tổ chức, cá nhân. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp có quan hệ thanh toán với rất nhiều các tổ chức, cá nhân khác nhau.

Quan hệ thanh toán là yếu tố quan trọng trong hoạt động tài chính của doanh nghiệp và là cơ sở cho công tác quản lý doanh nghiệp.

Việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán chi tiết theo đối tượng, thời gian và tình hình thanh toán sẽ cung cấp cho nhà quản lý các thông tin cần thiết cho quản lý tài chính. Thông qua các thông tin này, các nhà quản trị sẽ nắm được tình hình thanh toán của các doanh nghiệp để từ đó đưa ra các chính sách thu hồi nợ, thanh toán nợ và cân đối tài chính DN giữa vốn chiếm dụng và vốn bị chiếm dụng sao cho hợp lý.

Quan hệ thanh toán thúc đẩy mối quan hệ mua – bán giữa các doanh nghiệp ngày càng phát triển tốt đẹp, việc thanh toán của doanh nghiệp diễn ra đúng hạn và đầy đủ sẽ tạo niềm tin cho các đối tượng trong quan hệ làm ăn.

Với những lí do trên, em thấy được sự cần thiết của công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong bất cứ một doanh nghiệp nào. Quản lý tốt quan hệ này sẽ giúp doanh nghiệp đảm bảo tình hình tài chính của mình luôn ổn định và đạt hiệu quả cao trong kinh doanh.

1.6. Nhiệm vụ của công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán.

-Tổ chức ghi chép nhằm theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phải trả theo chi tiết từng đối tượng, từng khoản nợ đơn đốc việc thanh toán kịp thời, tránh chiếm dụng vốn.

-Đối với những khách nợ có quan hệ giao dịch mua bán thường xuyên hoặc có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối niên độ kế toán cần tiến hành kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán số còn nợ. Nếu cần thiết có thể yêu cầu khách hàng xác nhận bằng văn bản.

-Giám sát việc thực hiện chế độ thanh toán công nợ và tình hình chấp hành kỷ luật

-Tổng hợp, cung cấp thông tin kịp thời về tình hình công nợ từng loại cho quản lý có biện pháp xử lý phù hợp.

-Tổ chức hệ thống tài khoản, hệ thống sổ kế toán chi tiết, sổ tổng hợp để phản ánh công nợ phải thu và phải trả. Đồng thời cũng cần xây dựng nguyên tắc quy trình kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp thanh toán với người mua, người bán sao cho khoa học và hợp lý, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mà vẫn đảm bảo tuân thủ quy định và chế độ.

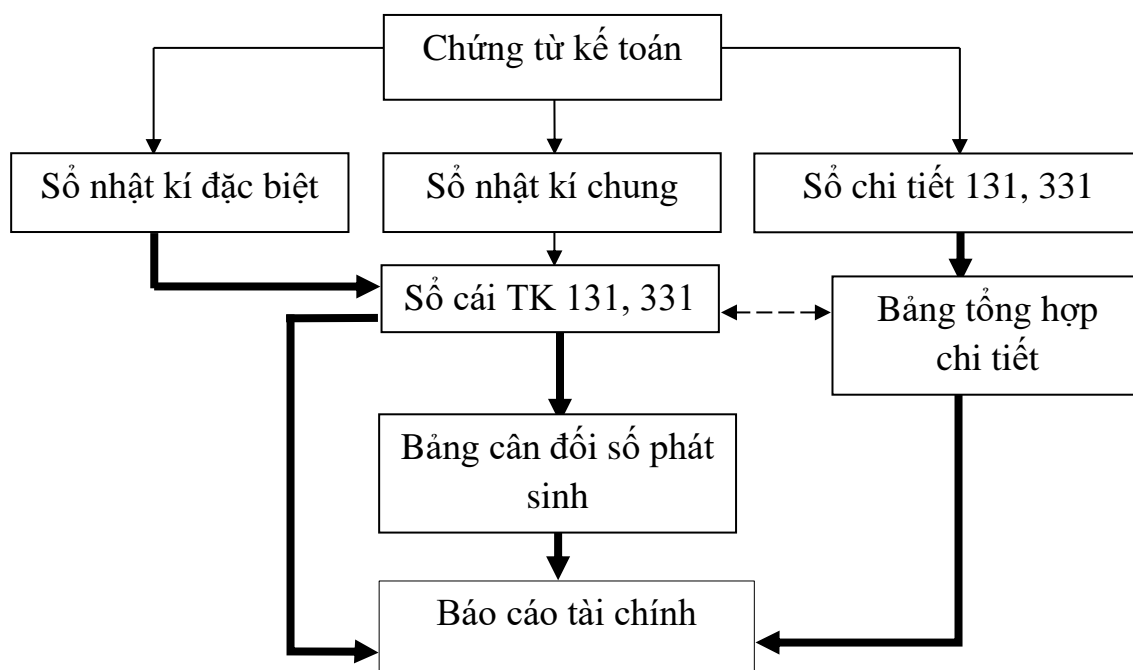
1.7. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung.

1.7.1. Nguyên tắc ghi sổ Nhật Ký Chung.

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế(định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký ghi vào Sổ Cái các tài khoản liên quan. Các loại sổ chủ yếu gồm:

- Sổ Nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.7.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung.



Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức nhật ký chung.

Ghi chú:

Ghi theo ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: \longleftarrow ----- \longrightarrow

-Hàng ngày căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết phải ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

-Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng tất cả số liệu trên sổ cái, bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu, đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết(được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

-Theo nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ nhật ký chung.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN VẬN TẢI TRUNG DŨNG

2.1. Khái quát về Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng

Tên công ty : CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN VẬN TẢI TRUNG DŨNG

Tên giao dịch : TRUNG DUNG PROTRACO.,LTD

Mã số thuế : 0201635673

Giấy phép kinh doanh : 0201635673

Địa chỉ : Phòng 11 tầng 4 tòa nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

2.1.1. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
2	<u>Bán buôn thực phẩm</u>	4632
3	<u>Bán buôn đồ uống</u>	4633
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
5	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
7	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662

8	<u>Bán buôn gạo</u>	4631
9	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641

2.1.2. Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động

Trong quá trình hoạt động của mình công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn

-Thuận lợi:

+ Đội ngũ nhân viên trẻ tuổi, năng động, nhiệt huyết, luôn nỗ lực hết mình vì công việc và đặc biệt là tinh thần trách nhiệm rất cao, có tinh thần và kỹ năng làm việc tốt.

+ Môi trường làm việc văn minh, lành mạnh và chuyên nghiệp

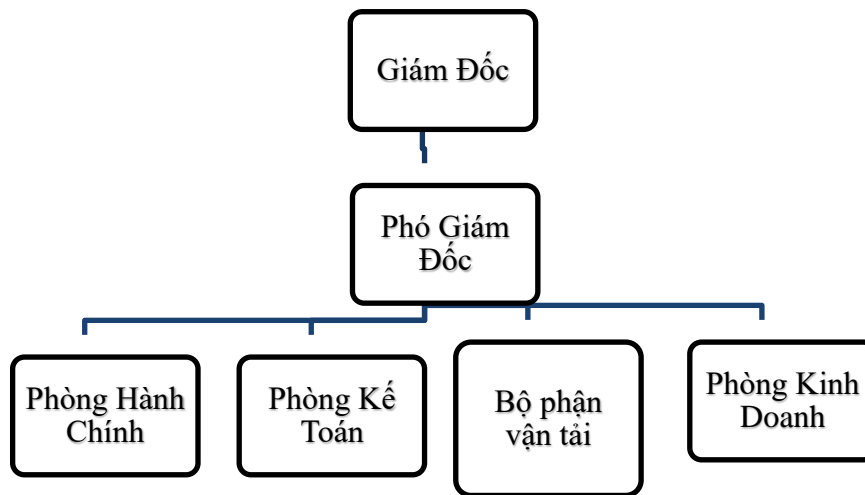
+ Cơ sở vật chất tốt như: xe đời mới , phương tiện ổn định.

+ Bộ máy quản lý chuyên nghiệp, nhất quán, dễ dàng kiểm tra, kiểm soát

-Khó khăn: Công ty có quy mô sản xuất kinh doanh và tiềm năng hoạt động còn nhỏ và bị hạn chế về nhiều mặt như thị trường, vốn... Ngoài ra sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt cũng là một trở ngại lớn đối với Công ty.

2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy của công ty

Sơ đồ 2.1: sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng



Chức năng của từng phòng ban:

❖ **Giám đốc công ty:**

- + Bao quát toàn bộ các hoạt động trong công ty từ nhập khẩu đến phân phối hàng hóa, bán hàng và kết quả kinh doanh.
- + Chuẩn bị kế hoạch hoạt động của công ty cả năm để Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt. Ký kết hợp đồng, đơn hàng mua - bán hàng hóa của công ty.
- + Chịu trách nhiệm trước pháp luật và tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty, phê duyệt toàn bộ các chính sách, mục tiêu chất lượng.
- + Thực hiện hiện xem xét những tồn tại và phương pháp giải quyết.
- + Thực hiện quản lý hành chính đối với công tác tổ chức hành chính.

❖ **Phó giám đốc** : Có nhiệm vụ giúp giám đốc giải quyết các công việc được phân giao, có quyền ra mệnh lệnh cho các bộ phận do mình quản lý với quan hệ mang tính chỉ huy và phục tùng.

Là người tham mưu cho giám đốc, cùng giám đốc thương thảo các hợp đồng dựa trên các phương án của phòng kinh doanh để đưa ra các đơn giá phù hợp cho từng hợp đồng.

❖ **Phòng hành chính** : Là phòng có nghiệp vụ tham mưu cho giám đốc các công việc hành chính, cụ thể như sau:

+Quản lý ,bảo dưỡng, duy trì và đề xuất kế hoạch khai thác có hiệu quả cơ sở hạ tầng trang thiết bị của công ty như: trang thiết bị nội thất, thiết bị văn phòng, thiết bị thông tin liên lạc: lập kế hoạch mua sắm, thay thế các trang thiết bị.

+Quản lý văn thư lưu trữ tổng hợp: tiếp nhận phân loại các văn bản đến và đi, tham mưu cho ban giám đốc xử lý các văn bản hành chính nhanh chóng, kịp thời quản lý con dấu, chữ ký theo quy định, cấp giấy giới thiệu, giấy

công tác cho công ty ban hành và văn bản của cấp trên theo quy định của giám đốc công ty.

+ Quan hệ với các cơ quan chức năng địa phương để giúp cho hoạt động kinh doanh của công ty thuận lợi hơn.

Như vậy, công ty có một hệ thống tổ chức các phòng ban tương đối chặt chẽ, phối hợp hoạt động khá nhịp nhàng và hoạt động có hiệu quả giúp cho quá trình phát triển của công ty.

❖ **Phòng kế toán:** Tổ chức công tác hoạch toán kế toán và thực hiện công tác quản lý tài chính theo đúng hướng dẫn và các quy định của pháp luật hiện hành. Theo dõi sổ sách, tình hình thu chi quỹ tiền mặt, lập chứng từ kế toán và hạch toán kế toán tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty. Cung cấp thông tin kịp thời về hoạt động kinh doanh của Công ty và tham mưu cho giám đốc, trong lĩnh vực quản lý các hoạt động tài chính – kế toán

❖ **Phòng kinh doanh :** Tham mưu cho Giám đốc về công tác lập kế hoạch và lên phương án kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ của Công ty, nghiên cứu phát triển thị trường, xây dựng các mối quan hệ khách hàng

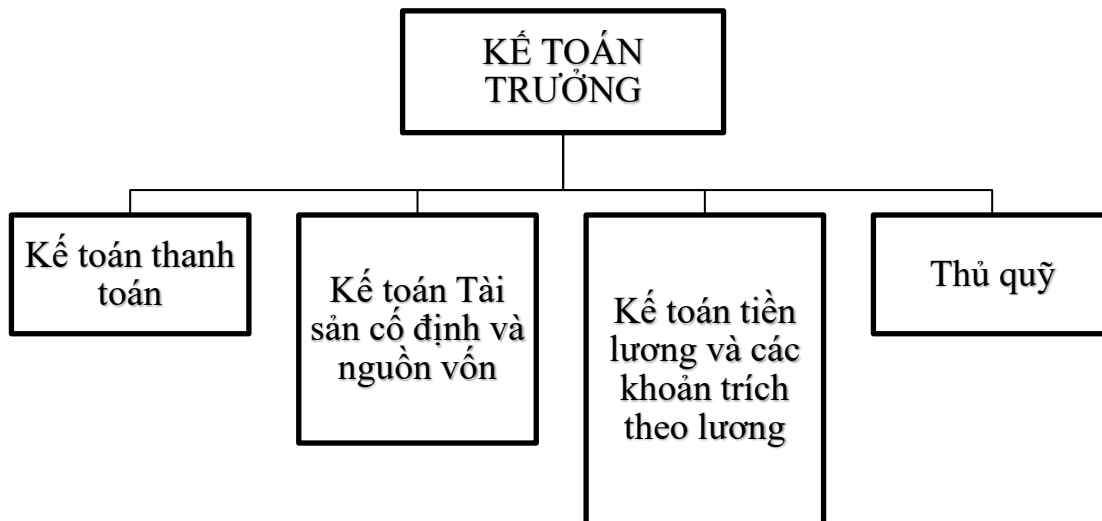
❖ **Bộ phận vận tải:** Nơi các lái xe thực hiện nhiệm vụ vận chuyển hàng hóa. Thông báo phương tiện hỏng, đóng hàng , nhận hàng, chuyển hàng hạ hàng tại nơi được nhân, tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ phương tiện.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty

2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Bộ máy có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh các mặt hàng phù hợp. Nhờ đó doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Ta có mô hình kế toán của công ty như sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

•**Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp:** là người có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực điều hành bộ máy kế toán của công ty, Có nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra các nhân viên kế toán, duyệt các chứng từ mua bán, thu chi phát sinh. Kế toán trưởng là người giúp việc đắc lực cho giám đốc trong lĩnh vực tài chính kế toán

•**Kế toán thanh toán:** có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ gốc, viết phiếu thu chi trên cơ sở đó theo dõi các khoản thu chi bằng tiền phát sinh trong ngày, có nhiệm vụ giao dịch với ngân hàng thực hiện các khoản vay ngắn hạn và trung hạn. Hàng tháng lập bảng kê tổng hợp séc và sổ chi tiết rồi đối chiếu với sổ sách thủ quỹ, sổ phụ ngân hàng; lập kế hoạch tiền mặt gửi lên cho ngân hàng có quan hệ giao dịch

•**Kế toán Tài sản cố định và nguồn vốn:** chịu trách nhiệm phân loại, theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định của Công ty, tính khấu hao theo phương pháp tuyến tính; theo dõi các nguồn vốn và các quỹ của Công ty

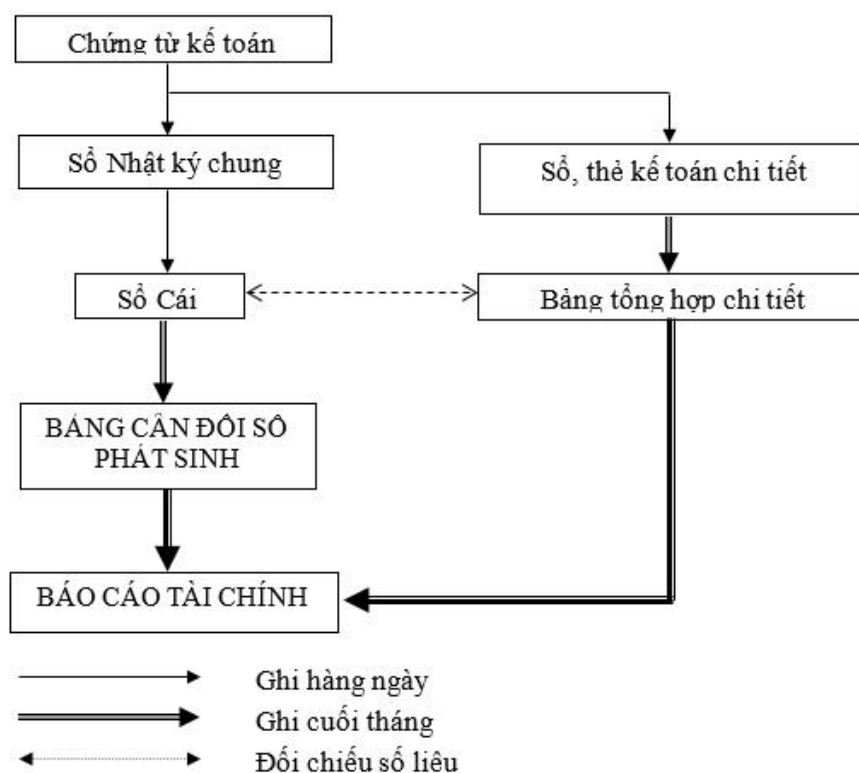
•**Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương:** có nhiệm vụ tính lương và các khoản trích theo lương cho cán bộ công nhân viên Công ty. Hàng tháng, căn cứ vào sản lượng của các xí nghiệp và đơn giá lương, hệ số lương, đồng thời nhận các bảng thanh toán lương do các nhân viên thống kê ở các xí nghiệp gửi lên, kế toán tổng hợp số liệu, lập Bảng tổng hợp thanh toán lương.

•**Thủ quỹ:** Theo dõi việc thu chi của công ty, chịu trách nhiệm thu chi tiền mặt tại công ty có chứng từ hợp lệ. Chi trả lương cho công nhân viên đúng hạn.

Theo dõi việc giao dịch ngân hàng để đảm bảo việc kinh doanh của doanh nghiệp được liên tục.

2.1.4.2. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

- *Hình thức kế toán:*
 - ❖ Công ty áp dụng hình thức kế toán: theo hình thức Nhật ký chung
 - ❖ Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành theo thông tư Thông tư 133/2016/TT-BTC, ngày 26/08/2016 của BTC.
 - ❖ Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
 - ❖ Phương pháp khấu hao TSCĐ: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng
 - ❖ Tính giá vốn hàng xuất kho: bình quân gia quyền liên hoàn
 - ❖ Phương pháp kế toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung

❖ Hàng ngày:

Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

❖ *Cuối tháng, cuối quý, cuối năm:*

Cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

Theo nguyên tắc: Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Nhật ký chung.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng

2.2.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng.

•*Phương thức thanh toán áp dụng tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng:*

Các phương thức thanh toán là yếu tố quan trọng trong quan hệ thanh toán của doanh nghiệp với tất cả các đối tượng và được thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng kinh tế. Các phương thức thanh toán hiện nay rất đa dạng và phong phú, ở Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng sử dụng hai phương pháp thanh toán: thanh toán trả ngay và thanh toán chậm trả;

❖ Phương thức thanh toán ngay là: khi doanh nghiệp cung cấp sản phẩm cho khách hàng sẽ thu được tiền ngay, có thể là tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng,...

❖ Phương thức thanh toán chậm trả là: khi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cho khách hàng chưa thu được tiền ngay, kế toán theo dõi công nợ phải thu của khách hàng bằng các sổ chi tiết tài khoản 131, phải trả người bán bằng sổ chi tiết 331.

Đối với người mua: phương thức thanh toán ngay được áp dụng với khách mua hàng với số lượng nhỏ, lẻ, và không phải là khách hàng thường xuyên của công ty. Phương thức thanh toán chậm trả chỉ áp dụng cho những khách hàng, doanh nghiệp là khách hàng thường xuyên của công ty và mua hàng với số lượng lớn theo phương thức gói hàng.

Đối với người bán: Phương thức thanh toán ngay áp dụng cho những nhà cung cấp nhỏ lẻ, số lượng ít. Phương thức thanh toán chậm trả chỉ áp dụng cho những nhà cung cấp lâu năm và theo phương thức gói hàng hóa theo thỏa thuận của hai bên.

•Hình thức thanh toán áp dụng tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng:

Hình thức thanh toán được áp dụng tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng là: thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán bằng chuyển khoản .

❖ Hình thức thanh toán bằng tiền mặt thường được doanh nghiệp áp dụng cho những đơn hàng có trị giá nhỏ hơn 20 triệu đồng.

❖ Hình thức thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng thường được doanh nghiệp áp dụng bắt buộc đối với những đơn hàng có trị giá lớn hơn từ 20 triệu đồng trở nên. Trong trường hợp đơn hàng có giá trị nhỏ hơn 20 triệu đồng, doanh nghiệp thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng, trong trường hợp có sự thỏa thuận giữa bên mua và bên bán.

2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng.

❖ Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng:

• Chứng từ sử dụng:

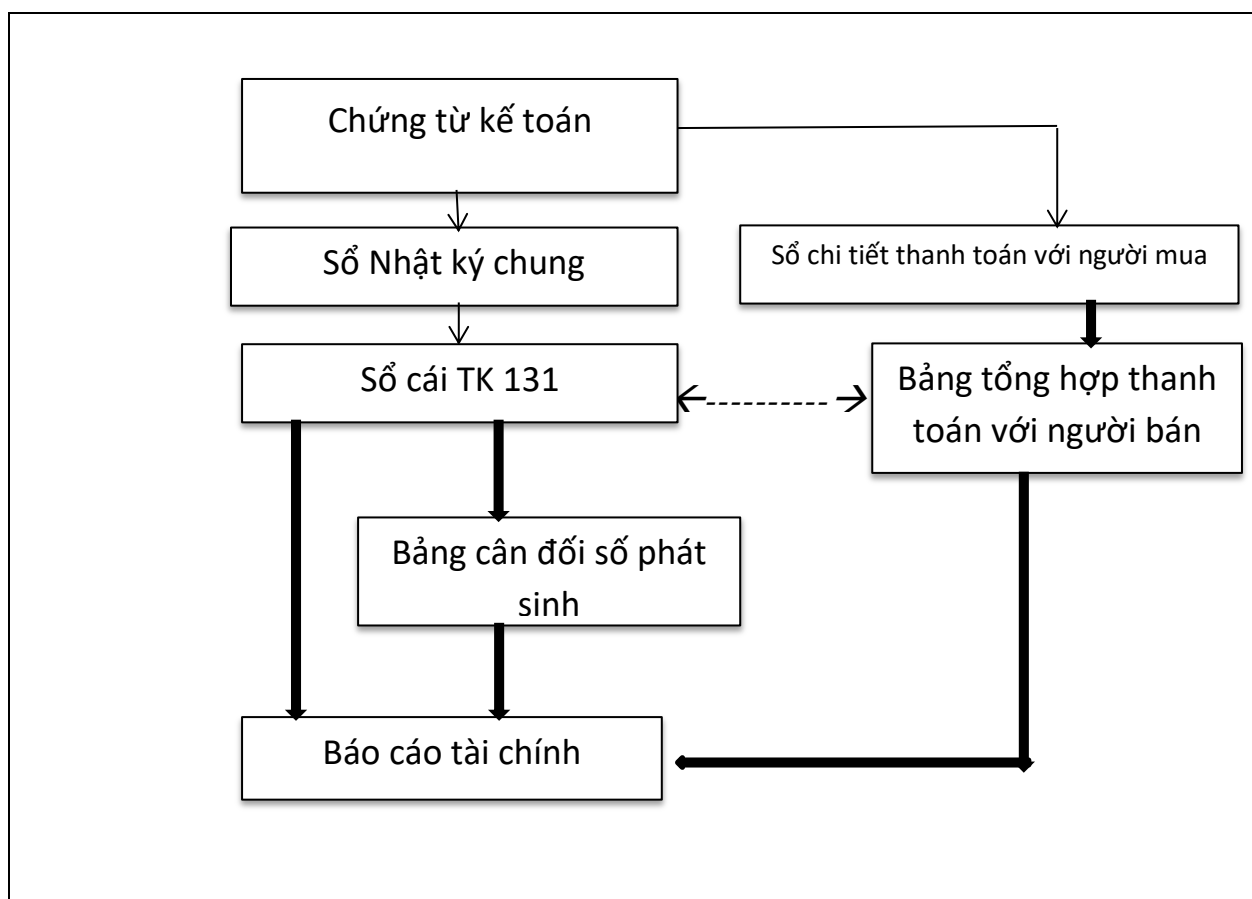
- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu thu

• Tài khoản sử dụng:

- 131- Phải thu khách hàng

- Sổ sách sử dụng:
 - Nhật ký chung
 - Sổ chi tiết thanh toán với người mua
 - Bảng tổng hợp thanh toán với người mua
 - Sổ cái TK 131 và các tài khoản có liên quan.

❖ Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán thanh toán với người mua tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \longrightarrow

Kiểm tra, đối chiếu: $\longleftarrow\text{-----}\longrightarrow$

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng để ghi sổ. Đầu tiên ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 131, 511, 333... đồng thời kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 131 theo dõi cho từng khách hàng.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 mở cho từng khách hàng, kế toán lập tổng hợp phải thu khách hàng. Kế toán thực hiện thao tác cộng số liệu trên bảng sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Kế toán dùng số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp phải thu của khách hàng để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 03/02/2019, theo hóa đơn GTGT số 0000421 vận chuyển hàng cho Công ty TNHH thương mại EYANG, tổng giá thanh toán 103.070.000 đồng, thanh toán bằng chuyển khoản.

Biểu số 1: Hóa đơn GTGT số 0000421.

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/19P		
Liên 3 : Nội bộ			Số: 0000421		
Ngày 03 tháng 02 năm 2019					
Đơn vị bán hàng: Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng					
Mã số thuế: 0201635673					
Địa chỉ: Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng					
Điện thoại/Fax:					
Số tài khoản: 191 29340279 666 tại ngân hàng Techcombank – PGD Lê Hồng Phong – CN Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH thương mại EYANG					
Mã số thuế: 0202033304					
Địa chỉ: Số 3 Lê Thánh Tông, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng					
Hình thức thanh toán:CK.....; Số tài khoản: 02001013030521 tại ngân hàng Hàng Hải Việt Nam - CN Hải Phòng.					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Cước vận chuyển hàng hóa tháng 1/2019 (kèm theo bảng kê)				93.700.000
Cộng tiền hàng:					93.700.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			9.370.000
Tổng cộng tiền thanh toán					103.070.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm linh ba triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

BẢNG KÊ CÔNG TY TRUNG DŨNG THÁNG 1/2019

MÃ KH: Công ty TNHH TM EYANG

STT	NGÀY THÁNG	Số xe	Tuyến Đường	Cước vận chuyển	Tổng thanh toán
1	18/01/2019	15C08626	Trả Gia Lộc,HD	4.300.000	
2	18/01/2019	15C32180	Trả Gia Lộc,HD	4.300.000	
3	20/01/2019	15C14729	Trả Gia Lộc,HD	4.300.000	
4	20/01/2019	15C10632	Trả Thường Tín	4.600.000	
5	23/01/2019	15C08626	Trả Cầu Vĩnh Tuy,HN	4.900.000	
6	23/01/2019	15C10835	Trả Cầu Vĩnh Tuy,HN	4.900.000	
	
22	31/01/2019	15C10272	Trả Cầu Vĩnh Tuy,HN	4.900.000	
Tổng				93.700.000	93.700.000

Người chốt bên mua
(Kí và ghi rõ họ tên)

Người chốt bên bán
(Kí và ghi rõ họ tên)

Ví dụ 2: Ngày 15/04/2019 công ty vận chuyển cọc cho Công ty TNHH bê tông và xây dựng Minh Đức giá 182.505.000 đồng chưa có thuế GTGT 10% chưa thanh toán.

Biểu số 2: Hóa đơn GTGT số 0001987

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3 : Nội bộ Ngày 15 tháng 04 năm 2019			Mẫu số: 01 GTKT3/002 Ký hiệu: AA/19P Số: 0001987		
Đơn vị bán hàng: Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng Mã số thuế: 0201635673 Địa chỉ: Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng Điện thoại/Fax: Số tài khoản: 191 29340279 666 tại ngân hàng Techcombank – PGD Lê Hồng Phong – CN Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH bê tông và xây dựng Minh Đức Mã số thuế: 0200611969 Địa chỉ: TT. Minh Đức - Huyện Thuỷ Nguyên - TP. Hải Phòng Hình thức thanh toán: CK ; Số tài khoản: 0200101330521 tại Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam- CN Hải Phòng					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Cước vận chuyển cọc từ Hải Phòng đi Công Trình Vinfast – Cát Hải – Hải Phòng tháng 3/2019 (Kèm theo bảng kê				182.505.000
Cộng tiền hàng:					182.505.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			18.250.500
Tổng cộng tiền thanh toán					200.755.500
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm triệu bảy trăm năm mươi năm nghìn năm trăm đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

BẢNG KÊ CÔNG TY TRUNG DŨNG THÁNG 3/2019

MÃ KH: Công ty TNHH bê tông và xây dựng Minh Đức

STT	NGÀY THÁNG	Số xe	Tuyến Đường	Cước vận chuyển	Tổng thanh toán
1	05/03/2019	15C32180	Trả Vsip, Cát Hải, HP	5,214,429	
2	05/03/2019	15C13428	Trả Vsip, Cát Hải, HP	5,214,429	
3	06/03/2019	15C14729	Trả Vsip, Cát Hải, HP	5,214,429	
4	07/03/2019	15C10835	Trả Vsip, Cát Hải, HP	5,214,429	
5	08/03/2019	15C25698	Trả Vsip, Cát Hải, HP	5,214,429	
6	09/03/2019	15C85763	Trả Vsip, Cát Hải, HP	5,214,429	
	
35	31/03/2020	15C10632	Trả Vsip, Cát Hải, HP	5,214,429	
Tổng				182.505.000	182.505.000

Người chốt bên mua
(Kí và ghi rõ họ tên)

Người chốt bên bán
(Kí và ghi rõ họ tên)

Ví dụ 3: Ngày 14/02/2019 Công ty TNHH thương mại EYANG thanh toán tiền cước vận chuyển hàng theo HĐ0000421.

Biểu số 3: Giấy báo có



Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam

Mã số thuế: 0100230800-004

Số giao dịch: FT154875326100256

Số tham chiếu: 25638749144153

GIẤY BÁO CÓ

Tên tổ chức:	Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng																			
Mã số thuế:	0201635673																			
Địa chỉ:	Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng																			
	Người chuyển tiền									Người nhận tiền										
Tên tài khoản:	Công ty TNHH thương mại EYANG									Tên tài khoản:	Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng									
Số tài khoản:	02001013030521									Số tài khoản:	191 29340279 666									
Tại ngân hàng:	Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam - CN Hải Phòng.									Tại ngân hàng:	Ngân hàng Techcombank – PGD Lê Hồng Phong – CN Hải Phòng									
Chi tiết giao dịch																				
Ngày giao dịch:										14/02/2019										
Loại tiền										VNĐ										
Số tiền giao dịch:										103.070.000										
Tổng phí+thuế:										0										
Tổng tiền:										103.070.000										
Số tiền bằng chữ:	<i>(Một trăm linh ba triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn)</i>																			
Nội dung thanh toán:	Công ty TNHH TM EYANG thanh toán tiền vận chuyển																			
	Giao dịch viên/Chuyên viên									Kiểm soát viên										

Ví dụ 4: Ngày 20/05/2019 Công ty TNHH bê tông và xây dựng Minh Đức thanh toán tiền vận chuyển cọc theo HĐ0001987

Biểu số 4: Giấy báo có



Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam

Mã số thuế: 0100230800-004

Số giao dịch: FT154871472152541

Số tham chiếu: 1523571526973

GIẤY BÁO CÓ

Tên tổ chức:	Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng																			
Mã số thuế:	0201635673																			
Địa chỉ:	Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng																			
	Người chuyển tiền									Người nhận tiền										
Tên tài khoản:	Công ty TNHH bê tông và xây dựng Minh Đức									Tên tài khoản:	Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng									
Số tài khoản:	32110000458989									Số tài khoản:	191 29340279 666									
Tại ngân hàng:	Viettinbank - CN Hải Phòng.									Tại ngân hàng:	Ngân hàng Techcombank – PGD Lê Hồng Phong – CN Hải									
Chi tiết giao dịch																				
Ngày giao dịch:										20/05/2019										
Loại tiền										VNĐ										
Số tiền giao dịch:										200.755.500										
Tổng phí+thuế:										0										
Tổng tiền:										200.755.500										
Số tiền bằng chữ:	<i>(Hai trăm triệu bảy trăm năm mươi năm nghìn năm trăm đồng.)</i>																			
Nội dung thanh toán:	Công ty TNHH bê tông và xây dựng Minh Đức thanh toán tiền vận chuyển																			
	Giao dịch viên/Chuyên viên									Kiểm soát viên										

Biểu số 5: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng

Địa chỉ: Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2

03/02	HĐ421	03/02	Vận chuyển hàng cho công ty TNHH TM EYANG	131 511 3331	103.070.000	93.700.000 9.370.000

14/02	GBC	14/02	Công ty TNHH thương mại EYANG thanh toán tiền vận chuyển hàng	112 131	103.070.000	103.070.000

26/02	PT102	26/02	Công ty cổ phần Tân Hoàng Mai thanh toán tiền vận chuyển hàng bằng tiền mặt	111 131	18.500.000	18.500.000

15/04	HĐ1987	15/04	Vận chuyển cọc đến Vinfast-Cát Hải-HP cho Công ty TNHH bê tông và xây dựng Minh Đức	131 511 3331	200.755.500	182.505.000 18.250.500

20/05	GBC	20/05	Công ty TNHH bê tông và xây dựng Minh Đức thanh toán tiền vận chuyển cọc	112 131	200.755.500	200.755.500

			Cộng phát sinh		18.780.509.500	18.780.509.500

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 6: Trích sổ cái TK 131

Đơn vị: Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng

Địa chỉ: Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2019

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		1.896.253.800	

03/02	HĐ421	03/02	Vận chuyển hàng cho công ty TNHH TM EYANG	511 3331	93.700.000 9.370.000	
			
14/02	GBC	14/02	Công ty TNHH thương mại EYANG thanh toán tiền vận chuyển hàng	112		103.070.000
			
26/02	PT102	26/02	Công ty cổ phần Tân Hoàng Mai thanh toán tiền vận chuyển hàng bằng tiền mặt	111		18.500.000
			
15/04	HĐ1987	15/04	Vận chuyển cọc đến Vinfast-Cát Hải-HP cho Công ty TNHH bê tông và xây dựng Minh Đức	511 3331	182.505.000 18.250.500	
			
20/05	GBC	20/05	Công ty TNHH bê tông và xây dựng Minh Đức thanh toán tiền vận chuyển cọc	112		200.755.500
			
			Cộng SPS		16.548.521.500	17.258.462.000
			Số dư cuối kỳ		1.186.313.300	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 7: Trích sổ chi tiết thanh toán với người mua

Đơn vị: Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng
Địa chỉ: Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số: S13-DNN
 (Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty TNHH thương mại EYANG

Năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ				495.215.300	
			
03/02	HĐ421	03/02	Vận chuyển hàng.	511 3331	93.700.000 9.370.000		351.259.500 360.629.500	
			
14/02	GBC	14/02	Thu tiền bằng chuyển khoản	112		103.070.000	289.470.000	
			
29/11	GBC	29/11	Thu tiền bằng chuyển khoản	112		72.380.000	215.589.800	
			
			Cộng SPS		2.362.514.600	2.582.150.400		
			Số dư cuối kỳ				275.579.500	

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 8: Trích sổ chi tiết thanh toán với người mua

Đơn vị: Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng
Địa chỉ: Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số: S13-DNN
(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC Ngày
26/08/2016 của bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty TNHH bê tông và xây dựng Minh Đức
Năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ				69.871.200	
			
15/04	HĐ1987	15/04	Vận chuyển cọc đến Vinfast- Cát Hải-HP	511 3331	182.505.000 18.250.500		112.582.600 130.833.100	
	
20/05	GBC	20/05	Thu tiền bằng chuyển khoản	112		200.755.500	75.962.500	
	
26/10	HĐ2123	26/10	Vận chuyển cọc tới công ty Hazama Ando Nhật Bản- Vsip-TN-HP	511 3331	42.450.000 4.245.000		152.369.300 156.614.300	
							
29/12	GBC	29/12	Thu tiền bằng chuyển khoản	112		46.695.000	96.256.100	
			
			Cộng SPS			1.690.235.400	1.596.258.200	
			Số dư cuối kỳ				163.848.400	

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 9: Trích bảng tổng hợp thanh toán với người mua

Đơn vị: Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng

Địa chỉ: Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA
Tài khoản: Phải thu khách hàng
Năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

Mã KH	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	
EYANG	Công ty TNHH thương mại EYANG	495.215.300		2.362.514.600	2.582.150.400	275.579.500	
MINHDUC	Công ty TNHH bê tông và xây dựng Minh Đức	69.871.200		1.690.235.400	1.596.258.200	163.848.400	
CSC	Công ty TNHH CSC Việt Nam	-		1.258.460.300	1.140.968.500	117.491.800	
VINHLONG	Công ty cổ phần Vĩnh Long	58.236.500		879.592.000	838.532.500	41.059.500	
	
	Cộng phát sinh	1.896.253.800		16.548.521.500	17.258.462.000	1.186.313.300	

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại công ty.

❖ Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng:

• Chứng từ sử dụng:

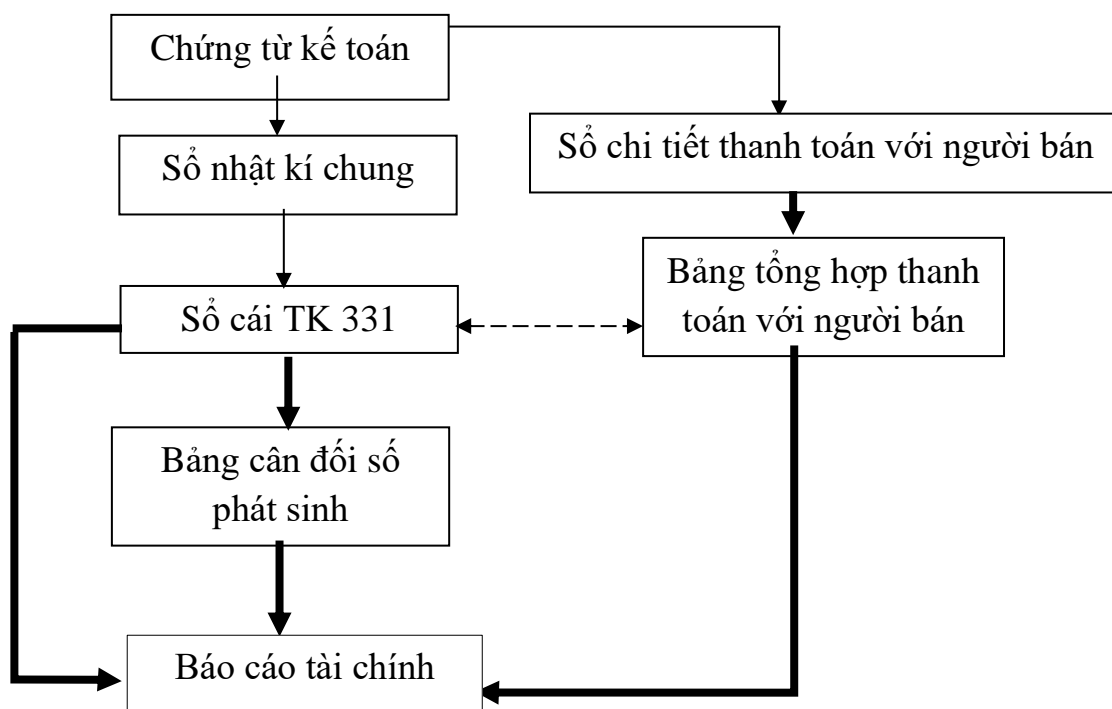
- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu chi

• Sổ sách sử dụng:

- Nhật ký chung
- Sổ chi tiết thanh toán với người bán
- Bảng tổng hợp thanh toán với người bán
- Sổ cái TK 331 và các tài khoản có liên quan.

• Tài khoản sử dụng: 331 – Phải trả người bán

❖ Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng

Ghi chú: Ghi hàng ngày	→
Ghi định kỳ	→
Kiểm tra, đối chiếu	←---→

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ để ghi sổ nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung và sổ chi tiết phải trả người bán. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 331. Từ sổ chi tiết phải trả người bán, ta tiến hành lập bảng tổng hợp phải trả người bán.

Cuối kỳ, kế toán cộng tất cả số liệu trên kế toán. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp được lập từ các số thẻ, thẻ kế toán chi tiết để lập bảng cân đối số phát sinh và các báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 08/09/2019, Công ty mua 5000 lít dầu diesel trị giá 89.815.000 đồng theo hóa đơn GTGT 0001269, chưa thanh toán.

Biểu số 10: Hóa đơn GTGT số 0001269

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho người mua Ngày 08 tháng 09 năm 2019			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/19P Số: 0001269		
Đơn vị bán hàng: Công Ty Cổ Phần Thương Mại KBH Mã số thuế: 0201265479 Địa chỉ: Số 68/591 Thiên Lô, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Hải Phòng Điện thoại: 02253740499 Số tài khoản: 19127967579018 - Techcombank - CN Hồng Bàng					
Họ tên người mua hàng:..... Tên đơn vị: Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng Mã số thuế: 0201635673 Địa chỉ: Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng Hình thức thanh toán:CK.....; Số tài khoản: 191 29340279 666 tại ngân hàng Techcombank – PGD Lê Hồng Phong – CN Hải Phòng					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	$3 = 1 \times 2$
1	Dầu diesel (DO)	Lít	5.000	16.330	81.650.000
Cộng tiền hàng:					81.650.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			8.165.000
Tổng cộng tiền thanh toán					89.815.000
Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi chín triệu tám trăm mười năm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Ví dụ 2: Ngày 26/10/2019 mua 416 lít dầu thủy lực 68 trị giá 17.526.080 đồng theo hóa đơn GTGT số 0004373, chưa thanh toán.

Biểu số 11: Hóa đơn GTGT số 0004373.

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/18P		
Liên 2: Giao cho người mua			Số: 0004373		
Ngày 26 tháng 10 năm 2019					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM Trần Hùng					
Mã số thuế: 0200898969					
Địa chỉ: Số 3C1/278 Đà Nẵng, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng					
Điện thoại: 02253753488					
Số tài khoản: 57637509 tại Ngân hàng ACB Thái Phiên - HP					
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng					
Mã số thuế: 0201635673					
Địa chỉ: Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng					
Hình thức thanh toán:CK.....; Số tài khoản: 191 29340279 666 tại ngân hàng Techcombank – PGD Lê Hồng Phong – CN Hải Phòng					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Sản phẩm dầu mỡ nhớt CX Hdraulic Oil AW 68 (208LM ML3)	Lít	416	38.300	15.932.800
		Cộng tiền hàng:			15.932.800
	Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT:			1.593.280
		Tổng cộng tiền thanh toán			17.526.080
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn không trăm tám mươi đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Ví dụ 3: Ngày 21/10/2019 công ty thanh toán tiền hàng cho Công Ty Cổ Phần Thương Mại KBH số tiền 89.815.000đồng bằng chuyển khoản.

Biểu số 12: Ủy nhiệm chi



ỦY NHIỆM CHI

Liên 2

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THƯ, ĐIỆN

Lập ngày: 21/10/2019

Phần do NH ghi

Tên đơn vị trả tiền: Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng	<u>TÀI KHOẢN GHI NỢ</u>
Số tài khoản: 191 29340279 666	191 29340279 666
Tại Ngân hàng: Techcombank – PGD Lê Hồng Phong – CN HP	_____
Tên đơn vị nhận tiền: Công Ty Cổ Phần Thương Mại KBH	<u>TÀI KHOẢN GHI CÓ</u>
Số tài khoản: 19127967579018	19127967579018
Tại Ngân hàng: Techcombank - CN Hồng Bàng	_____
Số tiền bằng chữ: Tám mươi chín triệu tám trăm mười năm nghìn đồng chẵn	<u>Số tiền bằng số</u>
Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền mua dầu diesel	VND 89.815.000

<u>ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN</u>		<u>NGÂN HÀNG A</u>	<u>NGÂN HÀNG B</u>
Kế toán	Chủ tài khoản	Ghi số ngày _____	Ghi số ngày _____

Biểu số 13: Giấy báo nợ



Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam
Mã số thuế: 0100230800-004

Số giao dịch: GJY20156893656955
Số tham chiếu: 524863952145

GIẤY BÁO NỢ

Tên tổ chức:	Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng								
Mã số thuế:	0201635673								
Địa chỉ:	Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng								
Người chuyển tiền					Người nhận tiền				
Tên tài khoản:	Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng			Tên tài khoản:	Công Ty Cổ Phần Thương Mại KBH				
Số tài khoản:	191 29340279 666			Số tài khoản:	19127967579018				
Tại ngân hàng:	Techcombank – PGD Lê Hồng Phong – CN Hải Phòng			Tại ngân hàng:	Techcombank - CN Hồng Bàng				
Chi tiết giao dịch									
Ngày giao dịch:	21/10/2019								
Loại tiền:	89.815.000								
Số tiền giao dịch:	89.815.000								
Tổng phí+thuế:	0								
Tổng tiền:	89.815.000								
Số tiền bằng chữ:	<i>(Tám mươi chín triệu tám trăm mười năm nghìn đồng chẵn)</i>								
Nội dung thanh toán:	Thanh toán tiền mua dầu Diesel								
Giao dịch viên/Chuyên viên					Kiểm soát viên				

Ví dụ 4: Ngày 30/11/2019 công ty thanh toán tiền mua dầu thủy lực 68 số tiền 17.526.080 đồng bằng chuyển khoản.

Biểu số 14: Ủy nhiệm chi



ỦY NHIỆM CHI

Liên 2

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THU, ĐIỆN

Lập ngày: 30/11/2019

Phần do NH ghi

Tên đơn vị trả tiền: Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng	<u>TÀI KHOẢN GHI NỢ</u>
Số tài khoản: 191 29340279 666	191 29340279 666
Tại Ngân hàng: Techcombank – PGD Lê Hồng Phong – CN HP	_____
Tên đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH TM Trần Hùng	<u>TÀI KHOẢN GHI CÓ</u>
Số tài khoản: 57637509	57637509
Tại Ngân hàng: Ngân hàng ACB Thái Phiên - HP	_____
Số tiền bằng chữ: <i>Mười bảy triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn không trăm tám mươi đồng chẵn.</i>	<u>Số tiền bằng số</u>
	VND 17.526.080
Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền mua dầu thủy lực 68	_____

<u>ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN</u>		<u>NGÂN HÀNG A</u>	<u>NGÂN HÀNG B</u>
Kế toán	Chủ tài khoản	Ghi sổ ngày_____	Ghi sổ ngày_____

Biểu số 16: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng

Địa chỉ: Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2

8/9	HĐ1269	8/9	Mua dầu diesel của công ty Cổ Phần Thương Mại KBH chưa thanh toán tiền	152 133 331	81.650.000 8.165.000	89.815.000

21/10	UNC	21/10	Thanh toán tiền mua dầu diesel cho công ty Cổ Phần Thương Mại KBH	331 112	89.815.000	89.815.000

26/10	HĐ4373	26/10	Mua dầu thủy lực 68 của Công ty TNHH TM Trần Hùng chưa thanh toán tiền	152 133 331	15.932.800 1.593.280	17.526.080

30/11	UNC	30/11	Thanh toán tiền mua dầu thủy lực 68 cho Công ty TNHH TM Trần Hùng	331 112	17.526.080	17.526.080

			Cộng phát sinh		18.780.509.500	18.780.509.500

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 17: Trích sổ cái TK 331**Đơn vị:** Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng**Địa chỉ:** Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**Mẫu số S03b-DNN**
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)**SỔ CÁI****Năm 2019****Tên tài khoản:** Phải trả người bán**Số hiệu:** 331

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			1.890.235.630
....
8/9	HĐ1269	8/9	Mua dầu diesel của công ty Cổ Phần Thương Mại KBH chưa thanh toán tiền	152 133		81.650.000 8.165.000
....
21/10	UNC	21/10	Thanh toán tiền mua dầu diesel cho công ty Cổ Phần Thương Mại KBH	112	89.815.000	
....
26/10	HĐ4373	26/10	Mua dầu thủy lực 68 của Công ty TNHH TM Trần Hùng chưa thanh toán tiền	152 133		15.932.800 1.593.280
....
30/11	UNC	30/11	Thanh toán tiền mua dầu thủy lực 68 cho Công ty TNHH TM Trần Hùng	112	17.526.080	
			Cộng phát sinh		19.352.635.982	18.925.453.698
			Số dư cuối kỳ			1.463.053.346

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 18: Trích sổ chi tiết thanh toán với người bán

Đơn vị: Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng
Địa chỉ: Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường
 Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S13-DNN
 (Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016
 của bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN
Tài khoản: 331
Đối tượng: Công Ty Cổ Phần Thương Mại KBH
Năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ					289.632.500
		
8/9	HĐ1269	8/9	Mua dầu diesel chưa thanh toán	152 133		81.650.000 8.165.000		185.124.300 193.289.300
		
21/10	UNC	21/10	Thanh toán tiền hàng	112	89.815.000			284.512.600
		
14/12	HĐ1490	18/12	Mua dầu diesel chưa thanh toán	152 133		80.300.000 8.030.000		491.680.700 499.710.700
		
26/12	UNC	26/12	Thanh toán tiền hàng	112	38.009.400			425.142.500
		
			Cộng SPS		1.479.549.200	1.569.048.700		
			Số dư cuối kỳ					379.132.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 19: Trích sổ chi tiết thanh toán với người bán

Đơn vị: Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng
Địa chỉ: Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường
 Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S13-DNN
 (Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016
 của bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Đối tượng: Công ty TNHH TM Trần Hùng

Năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ					129.523.650
		
15/04	HĐ889	15/04	Mua nhớt 15W40	152 133		8.767.200 876.720		40.535.530 41.411.730

21/10	UNC	21/10	Thanh toán tiền hàng	112	10.125.630			139.635.450

26/10	HĐ4373	26/10	Mua dầu thủy lực 68	152 133		15.932.800 1.593.280		487.901.758 492.701.758

30/11	UNC	30/11	Thanh toán tiền hàng	112	17.526.080			315.469.200
		
			Cộng SPS		1.448.256.320	1.592.315.660		
			Số dư cuối kỳ					273.582.990

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 20: Trích bảng tổng hợp thanh toán với người bán

Đơn vị: Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng

Địa chỉ: Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: Phải trả người bán

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã KH	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có

KBH	Công Ty Cổ Phần Thương Mại KBH		289.632.500	1.479.549.200	1.569.048.700		379.132.000
TRANHUNG	Công ty TNHH TM Trần Hùng		129.523.650	1.448.256.320	1.592.315.660		273.582.990
VIETAN	Công ty TNHH TMVT Việt An		52.136.250	415.236.985	398.250.360		35.149.625
ANDUC	Cty CP An Đức		-	1.256.896.364	1.365.152.639		108.256.275

	Cộng phát sinh		1.890.235.630	19.352.635.982	18.925.453.698		1.463.053.346

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN VẬN TẢI TRUNG DŨNG

3.1. Đánh giá thực trạng thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng.

Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng hoạt động trong lĩnh vực vận tải và qua nhiều năm hình thành, phát triển với sự phấn đấu vươn lên không ngừng nghỉ Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng đã chứng minh được vị thế của mình trên thị trường.

Để đạt được những thành tựu trên phải kể đến công sức lao động của cán bộ công nhân viên toàn công ty nói chung và đặc biệt là Phòng Kế toán Tài nói riêng đã đóng vai trò hết sức quan trọng trong thành tựu chung mà công ty đã đạt được trong thời gian qua. Nhìn chung bộ máy kế toán được tổ chức phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty, thực hiện hiệu quả công việc và nhiệm vụ được giao

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng, em nhận thấy tổ chức công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán nói riêng có những ưu điểm và hạn chế sau:

3.1.1. Ưu điểm

- Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, mọi công việc kế toán đều tập trung tại phòng kế toán của doanh nghiệp, thuận lợi cho việc quản lý, giám sát, theo dõi tình hình, tránh tình trạng thất lạc các chứng từ cũng như sai sót trong quá trình công tác kế toán.

- Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời nên tạo thuận lợi cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu với các bộ phận có liên quan một cách chính xác. Giúp cho việc lập báo cáo tài chính được thuận lợi, cũng như công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

- Công ty đã tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng cho các cấp quản lý.

- Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.

- Công ty áp dụng theo hình thức sổ “Nhật ký chung”, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ. Việc áp dụng hình thức nhật ký chung giúp công ty đơn giản hóa được công việc kế toán, từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện phân công công việc, theo dõi, kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các loại sổ sách.

- Công ty sử dụng hệ thống tài khoản ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước.

- Công tác kế toán thanh toán và thu hồi công nợ: Công tác thanh toán nợ của công ty được đánh giá chung là tốt. Công ty mở sổ chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng người mua và người bán. Giúp cho nhà quản lý có được những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty để thu xếp thanh toán, chi trả đúng hạn và kịp thời cũng như thu hồi các khoản nợ phải thu tương đối kịp thời.

3.1.2. Hạn chế

Về cơ bản thì việc tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán thanh toán với người bán, người mua tại Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng là đúng theo chế độ kế toán hiện hành tuy nhiên cũng không tránh khỏi một số hạn chế sau:

- Công ty chưa đối chiếu công nợ định kỳ.

- Hiện tại công ty đã không có những trích dự phòng cho các khoản nợ khó đòi mặc dù trong kỳ có phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi.

-Trong công tác kế toán thanh toán tại công ty, chính sách chiết khấu cho người mua, người bán chưa được công ty đề tâm.

-Mặc dù đã được trang bị hệ thống máy tính hiện đại, nhưng hệ thống này chỉ đơn thuần áp dụng cho việc soạn thảo hợp đồng, và việc lập các sổ, chứ chưa áp dụng kế toán máy vào quá trình hạch toán.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển. Đối với các doanh nghiệp đây không chỉ là một cơ hội mà còn là một thách thức đối với doanh nghiệp. Đòi hỏi doanh nghiệp phải nỗ lực phấn đấu. Trong các năm gần đây, Nước ta đã không ngừng đẩy mạnh hoàn thiện các chuẩn mực kế toán Việt Nam nhằm giảm bớt khoảng cách khác biệt giữa kế toán Việt Nam với kế toán thế giới, tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp hội nhập và phát triển.

Vì vậy công ty phải không ngừng hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công tác kế toán thanh toán của mình.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán thanh toán

Để có thể hoàn thiện công tác thanh toán với người mua, người bán tại công ty thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

-Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán phải đảm bảo cung cấp thông tin kế toán kịp thời, và thật chính xác. Điều này rất quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp tới công ty. Nếu có sự sai lệch trong việc cung cấp thông tin sẽ gây ảnh hưởng đến việc ra quyết định.

-Tôn trọng nguyên tắc, chế độ, chuẩn mực kế toán bộ tài chính ban hành. Đây là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành thông nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có thể áp dụng những hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chuẩn mực kế toán của Nhà nước. Đó chính là hành lang pháp lý của tổ chức kế toán tạo khả năng so sánh,

đối chiếu được và thuận lợi cho việc kiểm tra chỉ đạo, đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán.

-Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán và người mua phải hướng tới những tiện ích mà máy tính và phần mềm kế toán máy đem lại để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc.

3.4. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng.

❖ Kiến nghị 1: Về việc tăng cường quản lý công nợ bằng đối chiếu công nợ định kỳ

Đối chiếu công nợ định kỳ diễn ra và cuối tháng nhằm giúp cho công ty quản lý chặt chẽ, không bỏ sót các khoản nợ đối với người mua, người bán và theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu, phải trả để có kế hoạch đôn đốc các khoản công nợ phải thu, phải trả để có kế hoạch thanh toán các khoản nợ phải trả tránh để nợ quá dài hạn.

Với công nợ phải trả cho công ty có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi biên bản đối chiếu công nợ.

Với công nợ phải thu, công ty có thể tham khảo biên bản đối chiếu công nợ cho khách hàng theo mẫu sau:

**CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN
VẬN TẢI TRUNG DŨNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hải Phòng, Ngày.... tháng... năm...

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế
- Căn cứ vào tình hình thanh toán thực tế.

Hôm nay, ngày...tháng...năm...Tại văn phòng Công ty...,chúng tôi gồm có:

1. Bên A (Bên bán): **CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN VẬN TẢI TRUNG DŨNG**

- Địa chỉ: Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

- Điện thoại:

Fax:

- Đại diện: Ông **Phạm Bá Duy**

Chức vụ : Giám Đốc

2. Bên B (Bên mua):.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:.....Fax:.....

- Đại diện:.....Chức vụ:.....

Cùng nhau đối chiếu giá trị cụ thể như sau :

Công nợ đầu kì:.....đồng

Số phát sinh trong kì:

Ngày tháng	Số hóa đơn	Tiền hàng	Tiền thuế	Thành tiền

3. Số tiền bên B đã thanh toán:.....đồng

4. Kết luận: Tính đến hết ngày.....bên B phải thanh toán cho Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng số tiền là:.....

- Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng không nhận được phản hồi từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Ví dụ: Biên bản đối chiếu công nợ với Công Ty TNHH Thương Mại Vật Tư Xây Dựng Việt Tiến.

**CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN
VẬN TẢI TRUNG DŨNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hải Phòng, Ngày 30 tháng 10 năm 2019

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế
- Căn cứ vào tình hình thanh toán thực tế.

Hôm nay, ngày 30 tháng 10 năm 2019 Tại văn phòng Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng, chúng tôi gồm có:

1. Bên A (Bên bán): **CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN VẬN TẢI TRUNG DŨNG**

- Địa chỉ: Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

- Điện thoại:

Fax:

- Đại diện: Ông **Phạm Bá Duy**

Chức vụ : Giám Đốc

2. Bên B (Bên mua): **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬT TƯ XÂY DỰNG VIỆT TIẾN**

- Địa chỉ: Thôn 8 Viên Lang (tại nhà ông Bùi Công Nhật), Xã Việt Tiến, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng

- Điện thoại:

Fax:

- Đại diện: Bùi Công Nhật

Chức vụ: Giám đốc

Cùng nhau đối chiếu giá trị cụ thể như sau :

Công nợ đầu kì: 65.280.000 đồng

Số phát sinh trong kì:

Ngày tháng	Số hóa đơn	Tiền hàng	Tiền thuế	Thành tiền
27/10	0002189	78.215.500	7.821.550	86.037.050

3. Số tiền bên B đã thanh toán: 86.037.050 đồng

4. Kết luận: Tính đến hết ngày 30/10 bên B phải thanh toán cho Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng số tiền là: 65.280.000 đồng

- Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng không nhận được phản hồi từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

❖ Kiến nghị 2: Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Hiện nay, Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng đang có những khoản nợ xấu, công ty đã thực hiện đòi nợ nhiều lần nhưng chưa thành công và có khoản nợ xác định là không đòi được. Vì vậy, việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng như xóa sổ các khoản nợ xác định là không đòi được mang ý nghĩa rất quan trọng. Nó sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế tối đa tổn thất phải chịu khi có những sự cố khách hàng không thể thanh toán được cũng như phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của doanh nghiệp.

* Về cơ sở pháp lý của việc trích lập dự phòng: Căn cứ để lập trích lập dự phòng là Thông tư 48/2019/TT-BTC.

*** Điều kiện để trích lập dự phòng**

Doanh nghiệp có thể lập dự phòng phải thu khó đòi khi các khoản nợ có điều kiện như sau:

-Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền bao gồm: Hợp đồng kinh tế, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

-Các khoản nợ không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

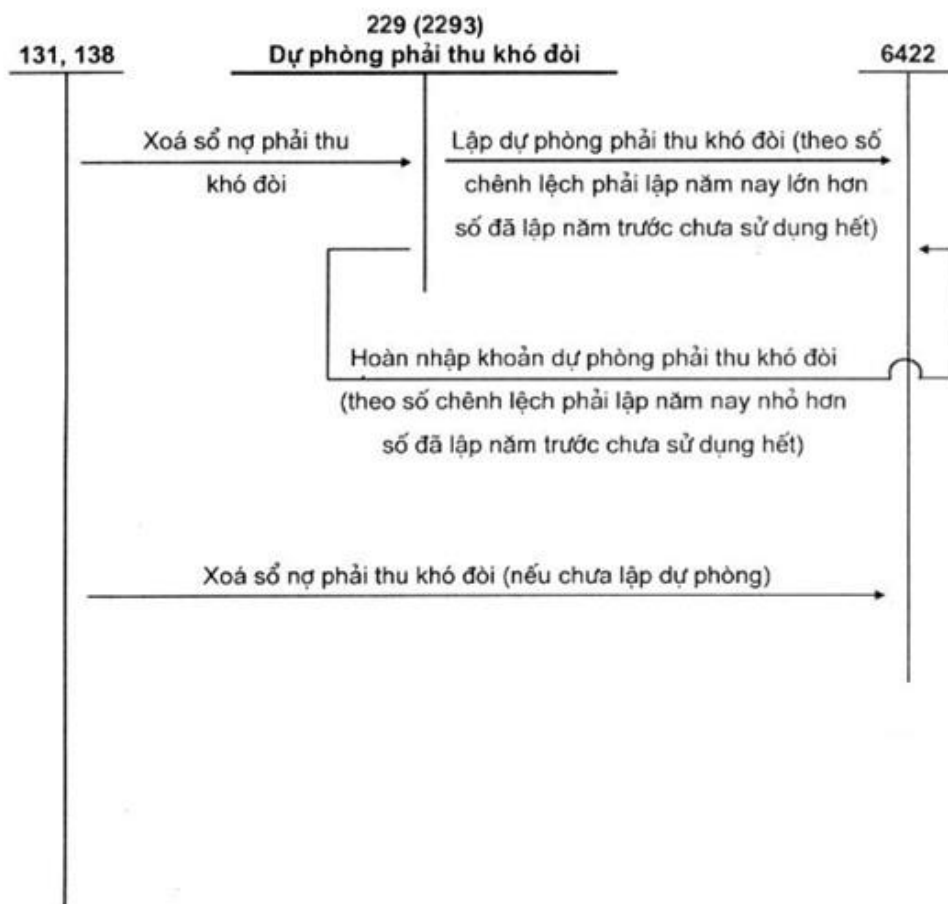
*** Mức trích lập dự phòng mà công ty có thể áp dụng:**

Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

* *Tài khoản sử dụng*: Việc trích lập dự phòng sẽ hạch toán theo tài khoản 229 (2293), đây là tài khoản dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ	Bên Có
<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết. - Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra. - Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ. 	<p>Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.</p>
	<p><u>Số dư bên có</u>: Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.</p>



Sơ đồ 3.1: Sơ đồ trình tự hạch toán dự phòng phải thu khó đòi theo TT133

Biểu số 21: Báo cáo tình hình công nợ

Đơn vị: Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng

Địa chỉ: Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2019

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên công ty	Công nợ với khách hàng	Thời hạn thanh toán	Thời hạn quá hạn	Ghi chú
1	Công ty TNHH Việt Thanh	74.521.300	31/3/2019	9 tháng	
2	Cty CP TM & XD Quang Đoàn	55.236.980	30/06/2018	1 năm 6 tháng	
3	Công ty XD & TM Gia Khánh	23.895.452			
4	Cty CP VT & TM Minh Tân	165.236.841			
...
	Tổng cộng	1.186.313.300			

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

72

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 22: Trích bảng lập dự phòng phải thu khó đòi

Đơn vị: Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng

Địa chỉ: Phòng 11 tầng 4 toà nhà Thành Đạt, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

STT	Tên công ty	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích (%)	Số tiền trích
1	Công ty TNHH Việt Thanh	74.521.300	9 tháng	30%	22.356.390
2	Cty CP TM & XD Quang Đoàn	55.236.980	1 năm 6 tháng	50%	27.618.490
	Tổng cộng	136.835.077	x	x	49.974.880

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Định khoản đối với bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Nợ TK 6422: 49.974.880

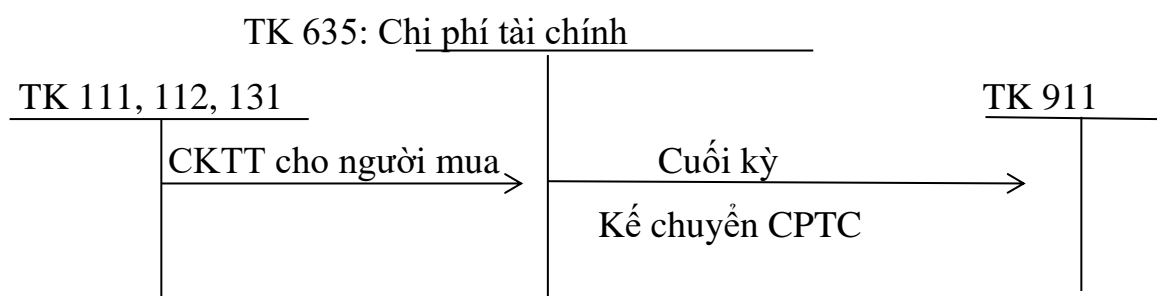
Có TK 2293: 49.974.880

❖Kiến nghị 3: Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền người bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn theo hợp đồng. Chiết khấu thanh toán là một khoản tiền thưởng để khuyến khích việc trả tiền sớm. Vì vậy đây là biện pháp giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty và rút ngắn vòng quay vốn.

Hiện nay công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng thanh toán nợ trước hạn. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và thu hồi vốn được nhanh, công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.

* Tài khoản sử dụng: TK 635 – Chi phí tài chính



Sơ đồ 3.2: Sơ đồ trình tự hạch toán chiết khấu thanh toán

* Phương pháp hạch toán:

- Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131, 111, 112...

- Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

Năm 2019, doanh nghiệp chủ yếu giao dịch qua tài khoản ngân hàng Techcombank. Tại thời điểm này mức lãi suất gửi tiết kiệm ngân hàng Techcombank năm 2019 là 6.4%/ năm, mức lãi suất cho vay là 8.6%/ năm.

Để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm, doanh nghiệp nên chọn tỷ lệ chiết khấu thanh toán cao hơn mức lãi suất tiết kiệm, nhưng không được vượt quá mức lãi suất cho vay của ngân hàng. Doanh nghiệp nên chọn tỉ lệ chiết khấu thanh toán là 7.5%/ năm dựa theo lãi suất ngân hàng Techcombank.

Chiết khấu thanh toán được hưởng = Tổng số tiền thanh toán trước hạn x (Tỷ lệ chiết khấu/360) x Số ngày thanh toán trước hạn

* *Ví dụ:* Giả sử ngày 05/11/2019, vận chuyển hàng cho công ty TNHH Sơn Trường số tiền 415.124.590 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

Ngày 13/11/2019 công ty TNHH Sơn Trường đã thanh toán toàn bộ 100% tiền hàng mua ngày 05/11/2019, mặc dù theo hợp đồng ngày 31/11/2019 công ty mới phải thanh toán tiền vận chuyển hàng. Công ty TNHH Sơn Trường đã thanh toán trước 18 ngày và được hưởng chiết khấu thanh toán với tỷ lệ chiết khấu thanh toán 7.5%/năm.

Kế toán tính chiết khấu thanh toán công ty TNHH Sơn Trường như sau:

Tiền chiết khấu = 415.124.590 x (7.5%/360) x 18 = 1.556.717

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 635: 1.556.717

Có TK 111: 1.556.717

❖ Kiến nghị 4: Về việc sử dụng phần mềm kế toán chuyên nghiệp

Việc áp dụng các phần mềm kế toán vào công tác kế toán đang là xu hướng hiện nay với ưu điểm là mang lại hiệu quả cao trong công việc. Do đó công ty nên xem xét mua một trong những phần mềm kế toán thông dụng nhất hiện nay như MISA, Fast Accounting.... Với những phần mềm này công việc kế toán sẽ trở nên gọn nhẹ, nhanh chóng, mang lại hiệu quả cao trong việc.

Sau đây là một vài phần mềm phổ biến nhất:

➤ **Phần mềm kế toán Misa:** <http://www.misa.com.vn/>



Phần mềm kế toán MISA SME.NET là một phần mềm được tạo ra chuyên để phục vụ cho công việc kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp, Bán hàng, Quản lý hóa đơn,...

Ưu điểm:

+*Giao diện:* Phần mềm kế toán Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ cảm thấy thoải mái, không nhức mắt, cho phép cập nhật dữ liệu như nhiều hóa đơn 1 phiếu chỉ một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành.

+*Điểm cộng:* Phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu - mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu khác nhau, độc lập. Một điểm cộng nữa là khả năng thao tác lưu, ghi sổ dữ liệu cực tốt,

+*Độ chính xác cao*: Có thể khẳng định rằng số liệu tính toán trong phần mềm MISA cực kỳ chính xác, khả năng xảy ra các sai sót bất thường do lỗi ở phần mềm là cực hiếm. Điều này giúp những người làm kế toán an tâm hơn nhiều so với các phương thức kế toán khác.

+*Khả năng bảo mật*: Công nghệ bảo mật dữ liệu rất cao, gần như tuyệt đối an toàn vì phần mềm Misa chạy trên cơ sở dữ liệu SQL, doanh nghiệp sẽ ít phải đau đầu về vấn đề này như các phần mềm kế toán chạy trên các nền tảng khác.

Nhược điểm:

+Vì có SQL nên MISA nên nếu máy tính cài đặt MISA QUÁ YẾU sẽ chạy ì ạch.

+Tốc độ xử lý dữ liệu hơi chậm.

Về việc quản lý công nợ:

**** Công nợ phải thu:***

- Tổng hợp công nợ phải thu theo từng khách hàng, nhân viên bán hàng, bộ phận bán hàng, thị trường.
- Tổng hợp công nợ phải thu theo hóa đơn: Bao nhiêu công nợ đã xuất hóa đơn chưa thu được tiền, Bao nhiêu công nợ chưa xuất hóa đơn
- Tổng hợp công nợ phải thu theo hạn nợ: Nợ chưa đến hạn, Nợ quá hạn (1-30 ngày, 30- 60 ngày, ..., nợ quá hạn khó đòi).
- Quản lý công nợ phải thu theo từng hợp đồng, đơn đặt hàng

**** Công nợ phải trả:***

•Theo dõi công nợ, tình hình trả tiền nhà cung cấp

Phân hệ mua hàng của phần mềm MISA SME.NET cho phép các doanh nghiệp theo dõi tình hình thực tế các đơn hàng, thực hiện việc đơn mua hàng theo từng mặt hàng của từng nhà cung cấp.

•Quản lý công nợ, tổng công nợ phải trả

Phân hệ mua hàng trong phần mềm kế toán MISA SME.NET còn có khả năng quản lý công nợ chặt chẽ theo từng hóa đơn, nhà cung cấp riêng lẻ hay nhóm nhà cung cấp. Đặc biệt phần mềm còn cho phép quản lý được cả công nợ phải trả theo từng nhân viên mua hàng, theo từng công trình, theo hợp đồng.

- *Theo dõi tình hình mua hàng theo từng nhà cung cấp*

Người sử dụng dễ dàng xem được báo cáo tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp bất cứ lúc nào.

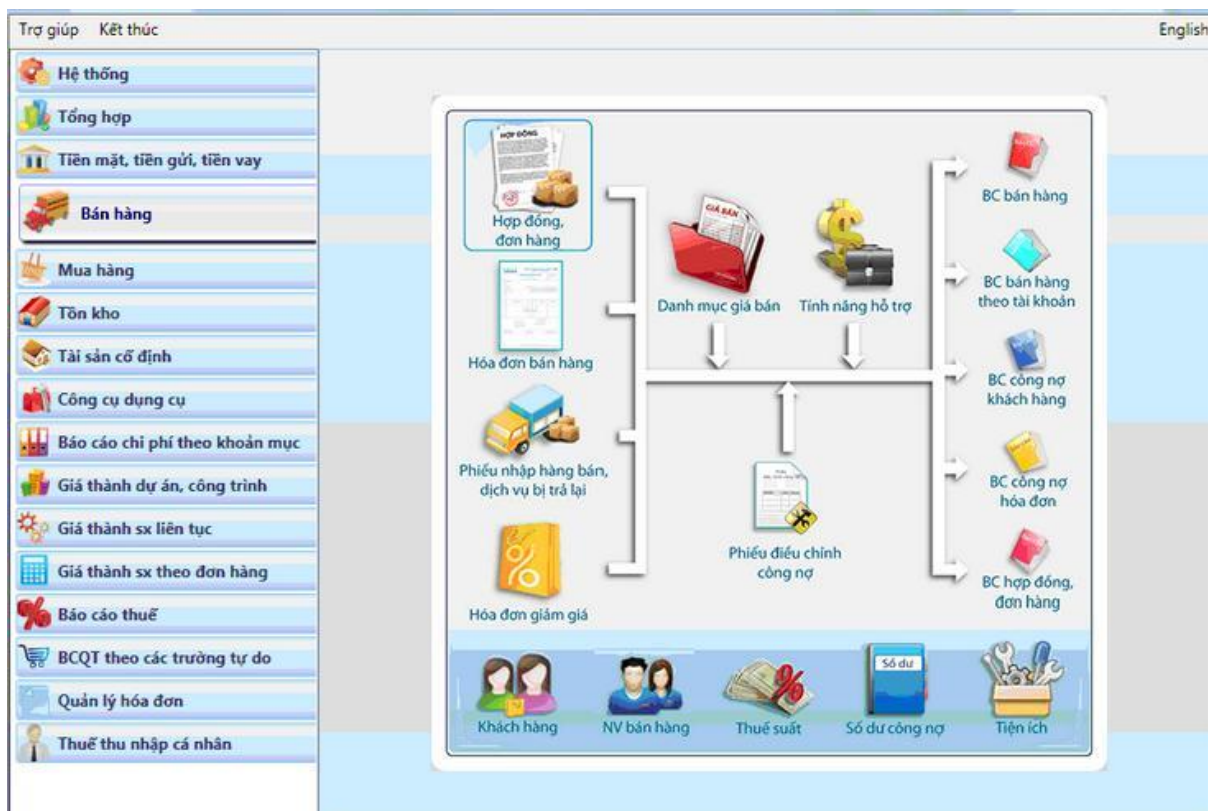
- *Theo dõi chi tiết chứng từ, sổ sách*

Phần mềm kế toán MISA SME.NET còn cung cấp đầy đủ các mẫu chứng từ, sổ sách và báo cáo chi tiết, tổng hợp mua hàng,... theo đúng quy định của nhà nước. Ngoài ra phần mềm còn có nhiều báo cáo quản trị giúp kế toán và lãnh đạo quản trị chặt chẽ tình hình mua hàng và công nợ.

- *Thực hiện các báo cáo công nợ phải trả*

- + Sổ chi tiết công nợ của nhà cung cấp
- + Báo cáo tổng hợp công nợ phải trả
- + Báo cáo công nợ chi tiết theo hoá đơn
- + Báo cáo công nợ chi tiết theo hoá đơn – chứng từ thanh toán
- + Báo cáo phân tích tuổi nợ các khoản phải trả
- + Báo cáo các khoản nợ quá hạn, sắp đến hạn thanh toán
- + Báo cáo mua hàng, trả lại nhà cung cấp
- + Báo cáo theo hợp đồng

➤ **Phần mềm kế toán Fast** : <http://fast.com.vn>



FAST là giải pháp cho các loại hình doanh nghiệp có quy mô từ nhỏ đến cấp tập đoàn. Các doanh nghiệp lớn đến cấp tập đoàn thì nên dùng phần mềm kế toán fast.

Và như MISA, Fast cũng có nhiều ưu điểm như: giao diện thân thiện, luôn cập nhật những thay đổi mới nhất về các chính sách điều khoản thuế, thông tư và các nghị định của Bộ tài chính, bám sát các chế độ kế toán hiện hành, cho phép kết xuất báo cáo ra Excel.

Ưu điểm:

+Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

+Tốc độ xử lý tương đối tốt.

+Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel.

+Không cần cài đặt phần mềm trên máy chủ hay các phần mềm hỗ trợ khác.

+Dễ dàng truy xuất thông tin.

Nhược điểm:

+ Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

+ Độ bảo mật chưa thực sự ấn tượng.

+ Các hướng dẫn đính kèm còn sơ sài, chưa rõ ràng, làm thành từng video như MISA

Về việc quản lý công nợ:

**** Công nợ phải thu:***

• Quản lý thông tin khách hàng

+ Lưu trữ các thông tin quan trọng về khách hàng: địa chỉ, số điện thoại, số fax, người liên hệ, vùng, điều khoản tín dụng, hạn mức tín dụng và phân loại tín dụng

+ Cung cấp thông tin về tình hình công nợ hiện thời của khách hàng và bằng kỹ thuật drill-down truy ngược tới giao dịch gốc

+ Theo dõi trạng thái khách hàng tạm dừng giao dịch.

• Quản lý hợp đồng và hóa đơn

+ Cập nhật hợp đồng

+ Theo dõi công nợ theo hợp đồng

+ Theo dõi thời hạn thanh toán của hóa đơn

+ Ngăn chặn việc cập nhật trùng số hóa đơn

+ In hóa đơn trực tiếp từ chương trình hoặc in trên mẫu hóa đơn in sẵn.

• Các bút toán ghi nợ/ghi có công nợ

Thực hiện điều chỉnh công nợ phải thu, nợ được xóa... thông qua các bút toán ghi nợ/ghi có.

• Quản lý thu tiền hàng

+ Chứng từ thu tiền bán hàng được cập nhật tại phân hệ kế toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng

+ Việc phân bổ tiền thu cho các hóa đơn bán hàng được thực hiện ở phân hệ kế toán bán hàng và công nợ phải thu

+ Việc phân bổ tiền hàng cho các hóa đơn có thể thực hiện trực tiếp cho từng hóa đơn hoặc tự động theo các tiêu thức lựa chọn: xuất trước thu trước, đến hạn trước thu trước...

+ Cho phép phân bổ tiền nhận thanh toán là các khoản nhận trước hoặc nhận sau

+ Tính lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ khi thanh toán liên quan đến ngoại tệ

+ Đánh giá lại công nợ ngoại tệ phải thu cho từng khách hàng, từng hóa đơn bán hàng.

• *Báo cáo*

+ Sổ chi tiết công nợ của khách hàng

+ Sổ đối chiếu công nợ

+ Bảng xác nhận công nợ

+ Báo cáo tổng hợp công nợ phải thu

+ Báo cáo công nợ chi tiết theo hoá đơn

+ Báo cáo công nợ chi tiết theo hoá đơn – chứng từ thanh toán

+ Báo cáo phân tích tuổi nợ các khoản phải thu

+ Báo cáo các khoản nợ quá hạn, sắp đến hạn thanh toán

+ Báo cáo bán hàng, hàng bán trả lại

+ Báo cáo theo hợp đồng.

* ***Công nợ phải thu:***

• *Thông tin về nhà cung cấp*

+ Lưu trữ các thông tin liên hệ quan trọng về nhà cung cấp như địa chỉ, số điện thoại, số fax, người liên hệ, phân loại, thuế VAT, mã số thuế

+ Cung cấp thông tin về tình trạng công nợ phải trả với nhà cung cấp và bằng kỹ thuật drill-down truy ngược tới giao dịch gốc

+ Cho phép khai báo điều kiện tín dụng, hạn mức tín dụng và ngày hết hạn.

• *Quản lý mua hàng*

+ Cập nhật hợp đồng

+ Theo dõi thời hạn thanh toán của hóa đơn.

- + Các bút toán ghi nợ/ghi có và các giao dịch liên quan
- + Điều chỉnh công nợ phải trả thông qua các bút toán ghi nợ/ghi có
- + Cập nhật các chứng từ thanh toán tạm ứng.

• *Quản lý thanh toán*

+ Chứng từ thanh toán cho nhà cung cấp được cập nhật tại phân hệ kế toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng

+ Việc phân bổ chi tiền cho các hóa đơn mua hàng được thực hiện ở phân hệ kế toán công nợ phải trả

+ Việc phân bổ tiền thanh toán cho các hóa đơn có thể thực hiện trực tiếp cho từng hóa đơn hoặc tự động theo các tiêu thức lựa chọn: nhận trước trả trước, đến hạn trước trả trước...

+ Cho phép phân bổ tiền thanh toán là các khoản trả trước hoặc trả sau

+ Tính lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ khi thanh toán liên quan đến ngoại tệ

+ Đánh giá lại công nợ ngoại tệ phải thu cho từng nhà cung cấp, từng hóa đơn.

• *Báo cáo*

+ Sổ chi tiết công nợ của nhà cung cấp

+ Báo cáo tổng hợp công nợ phải trả

+ Báo cáo công nợ chi tiết theo hoá đơn

+ Báo cáo công nợ chi tiết theo hoá đơn – chứng từ thanh toán

+ Báo cáo phân tích tuổi nợ các khoản phải trả

+ Báo cáo các khoản nợ quá hạn, sắp đến hạn thanh toán

+ Báo cáo mua hàng, trả lại nhà cung cấp

+ Báo cáo theo hợp đồng.

KẾT LUẬN

Kế toán thanh toán với người mua, người bán có vị trí rất quan trọng trong công tác kế toán của Doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán với khách hàng sẽ giúp cho nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của công ty và đưa ra được những phương hướng phát triển đúng đắn trong doanh nghiệp.

Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng em đã nhận ra tầm quan trọng của công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán. Khóa luận đã đề cập đến vấn đề lý luận chung và đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty.

Do kinh nghiệm thực tế thiếu sót, em mong nhận được sự chỉ bảo của thầy cô để khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, anh chị trong phòng kế toán của công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng và sự hướng dẫn của Th.S. Trần Thị Thanh Phương để em hoàn thiện bài khóa luận tốt nghiệp này. Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thị Loan (2011) , *Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp* , Nhà xuất bản Đại học Kinh Tế Quốc Dân .
2. Bộ Tài chính, Thông tư 133/2016/TT-BTC (2016), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ*.
3. Thông tư TT228/TT-BTC, *bộ tài chính*.
4. Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Trung Dũng (2019), *Sổ sách kế toán Công ty*.